

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Đắk Mil, 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Ngày.....tháng.....năm 2025

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG TỈNH ĐẮK NÔNG

Ngày.....tháng.....năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL

Đắk Mil, 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG	iv
ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Tính cấp thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất.....	1
2. Mục đích, yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất	2
2.1. Mục tiêu	2
2.2. Yêu cầu	2
3. Căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất	3
3.1. Căn cứ pháp lý	3
3.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, số liệu và bản đồ	6
4. Bố cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp.....	6
5. Các sản phẩm của dự án	7
PHẦN I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HUYỆN ĐẮK MIL	8
1.1. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường	8
1.1.1. Đặc điểm tự nhiên	8
1.1.2. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên	9
1.1.3. Thực trạng môi trường.....	11
1.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc sử dụng đất.....	12
1.2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	12
1.2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	15
1.2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	18
1.2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.....	19
1.3. Phân tích, đánh giá bổ sung các nguồn lực của huyện và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất.....	19
1.4. Đánh giá chung	21
PHẦN II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	24
2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất	24
2.2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	26
2.2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp năm 2024	27
2.2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024	28

2.2.3. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024	36
2.3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	42
2.3.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội của việc sử dụng đất	42
2.3.2. Những tác động đến môi trường đất trong quá trình sử dụng đất	43
2.4. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục	43
2.4.1. Những mặt đạt được trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil	43
2.4.2. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	44
2.4.3. Những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	46
2.4.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm 2025	46
2.4.5. Giải pháp khắc phục việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm tới	47
PHẦN III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	48
3.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất	48
3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch	48
3.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	48
3.1.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, Điều 48, Thông tư 29/2024/TT-BTNMT và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch ..	49
3.2. Về chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	49
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng trong năm 2025	49
3.2.2. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm 2025	60
3.2.3. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2025	61
3.2.4. Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025	61
3.2.5. Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2025 ..	61
3.3. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	63
3.3.1. Căn cứ pháp lý	63
3.3.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	64
3.3.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	64

PHẦN IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	66
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.....	66
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	66
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	67
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	68
1. Kết luận	68
2. Kiến nghị	68

DANH MỤC BẢNG

Bảng 01: Phân loại và quy mô các nhóm, loại đất huyện Đắk Mil.....	9
Bảng 02: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Mil	24
Bảng 03: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024	29
Bảng 04: Các công trình, dự án đã thực hiện xong trong kế hoạch năm 2024.....	36
Bảng 05: Các công trình dự án chưa thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đề nghị không chuyển tiếp sang năm 2025	38
Bảng 06: Các công trình dự án đang triển khai thực hiện trong năm 2024 ..	38
Bảng 07: Các công trình, dự án chưa thực hiện đề nghị chuyển tiếp sang năm 2025.....	41
Bảng 08: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil	49
Bảng 09: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025	61
Bảng 10: Danh mục công trình đăng ký mới năm 2025.....	62
Bảng 11: Ước tính thu chi từ đất cho năm kế hoạch 2025	64

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của công tác lập kế hoạch sử dụng đất

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng trong môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá đời sống xã hội nhân dân. Tài nguyên đất thì có hạn không tái tạo được, bên cạnh đó dân số tăng nhanh, nhu cầu kinh tế - xã hội ngày càng phát triển dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bố sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Theo quy định Điều 62 Luật Đất đai năm 2024 “... *kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được lập hằng năm.*”, tại Điều 67 Luật đất đai 2024 quy định nội dung Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện trong đó có xác định “... *các loại đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, ... xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm; dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi ... xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép;...*”. Qua đó công tác lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm là cơ sở đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả; khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh lương thực, độ che phủ rừng; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Huyện Đắk Mil đã tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 với yêu cầu đảm bảo kế hoạch được lập chính xác, có tính khả thi cao, các dự án được đưa vào đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch phải phù hợp, đồng bộ và có trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, xác định chính xác về địa điểm thực hiện, diện tích, nguồn vốn để bồi thường, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định các dự án có chuyển mục đích nhưng không phải bồi thường. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đắk Mil đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, phân bổ hợp lý nguồn tài nguyên đất, phục vụ cho các dự án đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Kế hoạch này không chỉ là căn cứ pháp lý để quản lý đất đai mà

còn giúp giảm thiểu lãng phí đất, bảo vệ cân bằng môi trường và đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân một cách bền vững. Chính vì tầm quan trọng này, UBND huyện Đắk Mil đã triển khai dự án **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông”**.

2. Mục đích, yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất

2.1. Mục tiêu

Kế hoạch sử dụng đất huyện Đắk Mil năm 2025 nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Dựa trên kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng và đô thị, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện nhằm phân bổ diện tích đất hợp lý, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của huyện Đắk Mil.

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện: Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cần căn cứ vào hiện trạng đất đai, kết quả thực hiện kế hoạch năm trước và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các tổ chức trong huyện, bao gồm cả các dự án đã có chủ trương đầu tư.

- Ưu tiên các dự án quan trọng: Các dự án được ưu tiên cần đảm bảo quốc phòng, an ninh, có hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cao, và có tính khả thi. Điều này giúp định hướng rõ ràng việc phát triển không gian và hạ tầng cho huyện.

- Lập Kế hoạch sử dụng đất chi tiết theo đơn vị hành chính cấp xã: Xác định diện tích cụ thể của các loại đất trong huyện và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của từng địa phương. Bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên trong quá trình khai thác sử dụng đất theo hướng bền vững.

- Lập Kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở để quản lý và sử dụng đất theo quy định của pháp luật, xử lý các sai phạm trong quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn huyện.

2.2. Yêu cầu

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024, xác định những tồn tại, phân tích nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất.

- Kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo tính khả thi, tính khoa học, đảm bảo quỹ đất được sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội cũng như xu hướng phát triển của huyện, của tỉnh.

- Kết quả phải được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu, thuyết minh và bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đắk Mil.

3. Căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH1, Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024, Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;

- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2025;

- Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021- 2025;

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐUBND ngày 13/12/2023 của của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2024;

- Nghị quyết số 46/NQ-HĐUBND ngày 11/12/2024 của của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2025;

- Nghị quyết số 47/NQ-HĐUBND ngày 11/12/2024 của của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2025;

- Chương trình số 46-CTr/TU ngày 22/9/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2023 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây

dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 22/05/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về cập nhật, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2020 - 2025;

- Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho các huyện, thành phố Gia Nghĩa;

- Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025;

- Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đắk Mil;

- Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2025;

- Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil;

- Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 19/11/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil;

- Công văn số 2864/STNMT-QHGD, ngày 24/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông, về việc đôn đốc rà soát, đăng ký danh mục các dự án thu hồi đất năm 2025 và triển khai xây dựng Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện năm 2025;

- Thông báo số 18/TB-TNMT ngày 20/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông thông báo Kế quả thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil;

- Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 17/02/2025 của UBND huyện Đắk Mil về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, số liệu và bản đồ

- Hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk Mil.
- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, năm 2023, năm 2024 của huyện Đắk Mil.

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024 và xây dựng kế hoạch năm 2025.

- Danh mục kế hoạch vốn đầu tư và phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2025 tỉnh Đắk Nông.

- Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất; trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; nhu cầu sử dụng đất của cấp xã, cơ quan, đơn vị, sở ngành, huyện.

- Hồ sơ thống kê đất đai các xã, thị trấn và huyện tính đến 31/12/2023.

- Hồ sơ thu hồi đất, giao đất của các dự án.

- Hồ sơ địa chính chính quy của các xã, thị trấn.

- Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất; trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; nhu cầu sử dụng đất của cấp xã, cơ quan, đơn vị, sở ngành tỉnh, huyện.

4. Bố cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp

Bố cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp, ngoài phần đặt vấn đề, kết luận và kiến nghị gồm các phần chính như sau:

- Phần I: Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của huyện Đắk Mil;

- Phần II: Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;

- Phần III: Lập kế hoạch sử dụng đất;

- Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

5. Các sản phẩm của dự án

Các sản phẩm kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bao gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;
- Bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích các công trình dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;
- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

PHẦN I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HUYỆN ĐẮK MIL

1.1. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1.1.1. Đặc điểm tự nhiên

a. Vị trí, địa lý

Huyện Đắk Mil nằm về phía Bắc tỉnh Đắk Nông, có vị trí địa lý:

- Phía đông giáp huyện Krông Nô;
- Phía tây giáp Campuchia;
- Phía nam giáp huyện Đắk Song;
- Phía bắc giáp huyện Cư Jút.

Huyện Đắk Mil cách trung tâm tỉnh Đắk Nông (Thành phố Gia Nghĩa) 66 km về phía Bắc theo Quốc lộ 14; có tổng diện tích tự nhiên 67.901,69 ha, có 10 đơn vị hành chính (9 xã, 1 thị trấn) với 125 thôn, bon, bản, tổ dân phố; dân số trung bình 105.813 người, với 19 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 20.794 người, chiếm 20,8% dân số toàn huyện.

b. Địa hình, địa mạo

Khu vực phía Tây nam của huyện có độ cao trung bình từ 700-800m, phía Bắc từ 400-600m so với mực nước biển. Phần lớn địa hình có dạng đồi lượn sóng nối liền nhau bị chia cắt bởi nhiều sông suối nhỏ và các hợp thủy, xen kẽ là các thung lũng nhỏ, bằng, thấp.

d. Thủy văn

Mùa lũ bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 11, các tháng xuất hiện lũ lớn là tháng 9, 10, 11. Mùa cạn từ tháng 2 đến tháng 4, tháng kiệt nhất là tháng 3 và tháng 4. Các đặc trưng dòng chảy đạt cao nhất thường gấp hơn 30 lần nhỏ nhất, chứng tỏ khả năng tập trung cũng như tiêu hao nước rất nhanh của khu vực này. Mật độ sông suối trung bình, nhưng Mô duyn dòng chảy trung bình năm của toàn lưu vực >30 l/s.km², chế độ dòng chảy trong năm tương đối điều hoà chứng tỏ một trong các lưu vực còn giữ được thảm phủ. Với chế độ thủy văn như vậy nên cần có biện pháp thủy lợi thích hợp giữ lấy nguồn nước mặt cho mùa khô. Mật độ sông suối bình quân 0,35-0,4 km/km², các suối chính trên địa bàn huyện Đắk Mil phần lớn chảy theo hướng Nam - Bắc rồi đổ vào sông Srêpôk. Có 2 lưu vực suối lớn là suối

Đăk Dam và suối Đăk Sôr, đường quốc lộ 14 gần như là đường phân thủy của 2 lưu vực suối này.

- Suối Đăk Đăm chảy dọc từ phía Nam lên phía Bắc theo biên giới phía Tây huyện (biên giới 2 nước Việt Nam - Campuchia), tuy nhiên nguồn nước này hầu như không khai thác sử dụng cho phát triển kinh tế xã hội của huyện, do là dòng suối làm biên giới quốc gia và đất đai chủ yếu là rừng tự nhiên nên ít tác động đến dòng suối này.

- Suối Đăk Sôr là dòng suối chảy ở ranh giới phía Đông giáp với huyện Krông Nô, lưu vực nằm về phía Nam quốc lộ 14, suối Đăk Sôr do các suối Đăk Môl, Đăk Săk, Đăk R'La hợp thành, phần lớn đất sản xuất của huyện nằm trên lưu vực suối Đăk Sôr, ở đầu nguồn đã xây dựng nhiều hồ đập tưới cho cây trồng như hồ núi lửa, Hồ Tây, Hồ Đăk Môl, Đăk Săk,... đây là dòng suối cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp của huyện.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên

a. Tài nguyên đất

Căn cứ vào bản đồ đất tỉnh Đăk Nông tỷ cho thấy trên địa bàn huyện Đăk Mil gồm 05 nhóm đất chính với 11 chú dẫn đơn vị bản đồ đất theo hệ thống phân loại của FAO/WRB.

Bảng 01: Phân loại và quy mô các nhóm, loại đất huyện Đăk Mil

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN TOÀN HUYỆN			67.901,69	100,00
I	NHÓM ĐẤT THUNG LŨNG	D	528,99	0,78
1	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	528,99	0,78
II	NHÓM ĐẤT ĐỎ VÀNG	F	40.102,44	59,06
2	Đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính	Fk	28.254,48	41,61
3	Đất nâu vàng trên đá macma bazơ và trung tính	Fu	9.304,55	13,70
4	Đất đỏ vàng trên đá sét và đá biến chất	Fs	1.516,56	2,23
5	Đất vàng đỏ trên đá macma acid	Fa	1.026,85	1,51
III	NHÓM ĐẤT PHÙ SA	P	693,9	1,02
6	Đất phù sa	Py	693,9	1,02
IV	NHÓM ĐẤT ĐEN	R	20.092,22	29,59
7	Đất đen trên sản phẩm bồi tụ của bazan	Rk	6.000,44	8,84
8	Đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt, ba zan	Ru	14.091,78	20,75

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
V	NHÓM ĐẤT XÁM	X	4.715,46	6,94
9	Đất xám trên macma acid	Xa	1.153,46	1,70
10	Đất xám trên đá cát	Xq	2.716,86	4,00
11	Đất xám trên nền phù sa cổ	X	845,14	1,24
VI	MẶT NƯỚC, SÔNG SUỐI, AO HỒ		1.768,68	2,60

* Nguồn: Kết quả điều tra thành lập bản đồ đất tỉnh Đắk Nông năm 2005- Viện QH và Thiết kế Nông nghiệp.

Kết quả tại bảng trên cho thấy trong 05 nhóm đất tại huyện nhóm đất đỏ vàng chiếm diện tích lớn nhất với khoảng 59,06% DTTN, kế đến là nhóm đất đen với khoảng 30% DTTN, nhóm đất xám với khoảng 6,94% DTTN, nhóm đất phù sa với khoảng 1,02% DTTN, các nhóm đất dốc tụ là 0,78% DTTN và diện tích mặt nước chiếm khoảng 1,36%.

b. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt:

Nguồn nước mặt bao gồm sông suối và các hồ chứa nước, tuy nhiên do đặc điểm địa hình nguồn nước mặt trên địa bàn phân bố không đều: Khu vực phía Nam và Tây Nam huyện có nguồn nước khá phong phú của hệ thống sông suối và hồ đập với 41 công trình đã xây dựng; Khu vực phía Bắc và Đông Bắc nguồn nước ít hơn, khu vực này mật độ sông suối thấp, hệ thống hồ đập ít vì vậy thường thiếu nước vào mùa khô làm ảnh hưởng đến cây trồng.

- Nguồn nước ngầm:

Khả năng khai thác nước dưới đất ở các vùng như sau: Vùng xã Thuận An, Đức Minh, Đức Mạnh, Đắk Lao, Đắk Sắk nước dưới đất khá phong phú có thể khai thác nước tập trung năng suất ở mỗi vùng từ 1.500 - 3.000m³/ngày; Vùng xã Đắk Gằn nước ngầm khan hiếm tại các vùng này có khả năng khai thác khoảng 1.000 - 1500m³/ngày.

c. Tài nguyên rừng

Đến ngày 31/12/2024, diện tích đất lâm nghiệp của huyện có 19.937,50 ha. Trong đó: Rừng phòng hộ có 2.408,71 ha và rừng sản xuất có 17.528,79 ha (trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên 17.443,19 ha). Rừng tự nhiên ở Đắk Mil đa phần là rừng thứ sinh với rất ít loài thuộc loại gỗ quý hiếm; Rừng trồng chủ yếu là rừng keo nguyên liệu,... Độ che phủ đạt khoảng 33,37%.

d. Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản của Đắk Mil chủ yếu là các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Kết quả điều tra thăm dò quy hoạch khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Đắk Mil có các loại chính là đá Bazan, ngoài ra qua tìm kiếm bước đầu đã phát hiện trên địa bàn xã Đắk Lao có mỏ đá quý (Opal) với địa tầng chứa quặng tồn tại trong tầng bazan, đang tiến hành thăm dò tìm kiếm và đánh giá sơ bộ về trữ lượng; than bùn có ở xã Thuận An, trữ lượng không đáng kể.

e. Tài nguyên nhân văn và du lịch

Với 19 dân tộc sinh sống, có nguồn gốc từ nhiều tỉnh trong cả nước đến sinh sống lập nghiệp mang theo các phong tục tập quán phong phú từ các vùng, miền đã hình thành nên nét văn hoá đa dạng.

Trên địa bàn huyện có nhiều khả năng để phát triển du lịch; có nhiều hồ thủy lợi kết hợp cảnh quan và nhiều cảnh quan rừng tự nhiên còn khá phong phú có thể xây dựng và phát triển thành các khu du lịch hấp dẫn.

1.1.3. Thực trạng môi trường

a) Môi trường đất

Đắk Mil có diện tích đất đỏ bazan màu mỡ, thích hợp cho nông nghiệp (đặc biệt là trồng cà phê, hồ tiêu, và cây ăn quả). Tuy nhiên, việc canh tác thiếu khoa học (lạm dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu) đã gây thoái hóa đất và ô nhiễm đất. Hiện tượng xói mòn đất gia tăng, đặc biệt ở các khu vực đồi núi trọc và đất trồng không có biện pháp bảo vệ.

b) Môi trường nước

Huyện có hệ thống hồ chứa, sông, suối dồi dào, phục vụ nông nghiệp, sinh hoạt, và thủy lợi. Tuy nhiên, ô nhiễm nguồn nước đang gia tăng do nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt không qua xử lý. Tình trạng thiếu nước cục bộ vào mùa khô gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống người dân.

c) Môi trường không khí

Hoạt động đốt rẫy, chất thải từ các phương tiện giao thông, và khói bụi từ nông nghiệp (như sấy cà phê) làm chất lượng không khí giảm sút. Mùa khô, bụi mịn và tình trạng đốt rừng làm tăng nguy cơ ô nhiễm không khí.

Công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên nước được quan tâm, tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương vệ sinh môi trường phòng chống dịch và thực hiện thu gom xử lý rác thải sinh hoạt.

1.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc sử dụng đất

1.2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Về kinh tế

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 tiếp tục phát triển khá toàn diện trên các lĩnh vực; các chính sách, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; thu thuế phí và lệ phí vượt kế hoạch đề ra; giá nông sản chủ lực của huyện tăng cao; nguồn lực đầu tư từ 03 CT MTQG đã góp phần nâng tỷ lệ cứng hóa đường thôn đạt 95% và nhựa hóa, bê tông hóa đường xã đạt 100%; tình hình quốc phòng - an ninh ổn định; các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản bám sát theo Nghị quyết đề ra. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn nhiều khó khăn, thách thức như: Tình hình giải ngân đầu tư công, 03 Chương trình MTQG còn chậm; công tác GPMB còn nhiều bất cập; ngân sách huyện chưa đảm bảo hết các nhiệm vụ trong năm; công tác thu tiền sử dụng đất chưa đảm bảo kế hoạch đề ra.

Trong 11 nhóm chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đã đề ra, có 11/11 nhóm chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Tăng trưởng kinh tế (theo giá so sánh): đạt 9,19% (KH 9,14%); Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3,42% (KH trên 3%); Công nghiệp - xây dựng đạt 10,06% (KH trên 10%); Thương mại - dịch vụ đạt 12,12% (KH trên 12%). Đạt kế hoạch.

- Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 33,23%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 23,51%; Dịch vụ chiếm 43,26% (riêng khu vực thuế do chỉ chiếm giá trị nhỏ nên ở cấp huyện tính chung vào khu vực thương mại - DV). Đạt kế hoạch.

- Tổng giá trị sản phẩm 15.341 tỷ đồng. Đạt kế hoạch. Thu nhập bình quân đầu người (Số liệu được Tổng Cục Thống kê, Cục Thống kê tính toán và công bố dựa trên cuộc khảo sát mức sống dân cư hàng năm): 47,41 triệu đồng. Tổng giá trị sản phẩm bình quân người/năm: 71,36 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 2.608 tỷ đồng. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện 176,5 tỷ đồng (KH 168,7 tỷ đồng). Vượt kế hoạch.

- Xây dựng nông thôn mới: Giữ vững các tiêu chí về nông thôn mới đối với các xã đã đạt chuẩn; tăng thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Long Sơn), 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Đức Mạnh), chưa hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới (chỉ tiêu thành phần phần đầu). Đạt kế hoạch.

- Hạ tầng kỹ thuật - môi trường: Tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hóa đường huyện 82,3% (KH 78%), đường xã 100% (KH 99%), đường đô thị 99% (KH 88%), đường thôn 95% (KH 95%). Đảm bảo nguồn nước cho 85% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới (KH 84%); 100% thôn, bon có điện lưới Quốc gia (KH 100%); 99,3% số hộ gia đình được dùng điện (KH 99,3%); Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 98% (KH 84%); Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch 99% (KH 99%); Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom xử lý 98,7% (KH 98,7%); Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn được thu gom xử lý 63% (KH 58%); Độ che phủ rừng 34,80% (KH 34,56%). Đạt kế hoạch.

- Dân số trung bình đạt 106.566 người (KH 106.566 người), tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,11% (KH 1,11%). Có 17,55 giường bệnh/vạn dân (KH 17,02 giường bệnh/vạn dân); có 8,63 bác sỹ/vạn dân (KH 7,38 bác sỹ/vạn dân); 100% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế (KH 100%); Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 15,88% (KH 16%); Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 94% (KH 94%). Đạt kế hoạch.

- Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 4.386 người (KH 4.181 người); đào tạo nghề 1.654 người (KH 1.654 người); Tỷ lệ lao động qua đào tạo 42% (KH 42%); Giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 0,34% theo chuẩn mới giai đoạn 2021-2025 (KH 0,3%). Vượt kế hoạch.

- Tỷ lệ trẻ 05 tuổi đi học mẫu giáo 99,5% (KH 99,4%); Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia 01 trường (KH phần đầu 01-02 trường); Tỷ lệ học sinh đi học: THPT trên 77,2% (KH 76,9%), THCS 99,7% (KH 99,7%), TH 99,81 (KH 99,7%). Đạt kế hoạch.

- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 91,14% (KH 88%); Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa 97,6% (KH 96,15%); tỷ lệ xã, thị trấn văn hóa 100% (KH 100%). Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa 100% (KH 96,5%). Vượt kế hoạch.

- Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; Gội công dân nhập ngũ đạt 100% kế hoạch được giao. Đạt kế hoạch.

Nền kinh tế của huyện phát triển khá toàn diện trên các lĩnh vực, tăng trưởng kinh tế đạt 9,19%/năm (*NQ 9,14%/năm*); Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng định hướng; công nghiệp - xây dựng có mức tăng trưởng khá; thương mại - dịch vụ ngày càng được mở rộng, đa dạng các loại hình; nông, lâm nghiệp phát triển theo hướng bền vững, nâng cao giá trị; thu thuế phí và lệ phí vượt so với kế hoạch.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được xây dựng, nâng cấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc; đặc biệt là hiệu quả từ việc thực hiện các Chương trình MTQG góp phần nâng cao tỷ lệ cứng hóa đường thôn, đường xã, là yếu tố then chốt cho kinh tế nông thôn phát triển mạnh mẽ.

(Theo Báo cáo số 854/BC-UBND ngày 06/12/2024 của UBND huyện Đắk Mil về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024 và xây dựng kế hoạch năm 2025)

b) Về văn hóa - xã hội

- Giáo dục - đào tạo:

Trong năm 2024 huyện đã triển khai thực hiện xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia, đặc biệt quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đổi mới chương trình sách giáo khoa lớp 5, lớp 9 theo chương trình GDPT 2018, xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè năm 2024 cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Tổ chức kiểm tra cơ sở vật chất các trường học và thực hiện công tác sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường học, ưu tiên đối với các trường có cơ sở vật chất xuống cấp và hướng đạt các tiêu chí về nông thôn mới. Xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyển sinh học sinh đầu cấp các bậc học năm học 2024 - 2025. Duy trì kết quả đạt chuẩn 10/10 xã, thị trấn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Năm 2024 có 01 trường đạt chuẩn Quốc gia (trường Tiểu học Bi Năng Tắc, xã Đắk Gản) lũy kế đến cuối năm 2024 đạt 33 trường (Trong đó: Bậc Mầm non: 06, bậc Tiểu học: 15, bậc THCS: 8, bậc THPT: 04).

- Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân từng bước được củng cố. Các cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo tốt việc trực cấp cứu và điều trị bệnh. Số lượng bệnh nhân đến khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế ngày càng tăng, nhất là tại Trung tâm Y tế huyện.

Công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ tính mạng và sức khỏe của nhân dân được đảm bảo, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch

bệnh phù hợp. trên địa bàn toàn huyện ghi nhận 680 ca bệnh sốt xuất huyết, tăng 473 ca so với cùng kỳ năm 2023 (680/207 ca). Trung tâm Y tế đã phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan Tiến hành triển khai 02 đợt vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng/ bọ gậy tại 37 ổ dịch sốt xuất huyết.

- Văn hoá thông tin:

Các hoạt động văn hóa thông tin và truyền thông có nhiều bước phát triển, cơ sở hạ tầng được chú trọng đầu tư, phục vụ tương đối tốt nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo văn hóa tinh thần cũng như nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thiết chế văn hóa cơ sở được tăng cường; triển khai hiệu quả chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng nếp sống trên địa bàn huyện ngày càng phát triển, đã trở thành phong trào sâu rộng trong toàn xã hội ngày càng đi vào chiều sâu và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Việc xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa” tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần xây dựng nếp sống văn hóa mới ở địa phương. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang được thực hiện tốt.

(Theo Báo cáo số 854/BC-UBND ngày 06/12/2024 của UBND huyện Đắk Mil về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024 và xây dựng kế hoạch năm 2025)

1.2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

a. Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp

- Tổng diện tích gieo trồng năm 2024 của huyện đạt 49.975ha (KH 49.765ha), đạt 100,4% so với kế hoạch và bằng 100,3% so với năm 2023. Trong đó, diện tích trồng cây hàng năm là 15.691ha (KH 15.527ha), đạt 101,1% so với kế hoạch. Diện tích gieo trồng cây lâu năm là 34.284ha (KH 34.238ha), đạt 100,1% kế hoạch và bằng 100,3% so với năm 2023 do tăng diện tích cây lâu năm, cây ăn quả trồng xen.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 57.423 tấn (bằng 102,4% so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 108,5% so với kế hoạch đề ra).

- Tổng đàn gia súc, gia cầm trên toàn huyện có khoảng: 1.115.175 con/828.761 con, đạt 134,6% so với kế hoạch, sản lượng thịt hơi đạt: 4.755 tấn; số trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm hiện có: 36 trang trại.

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt khoảng: 245 ha, sản lượng Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt tự nhiên 635 tấn (trong đó sản lượng nuôi đạt 520 tấn, sản lượng đánh bắt tự nhiên 115 tấn).

- Trên địa bàn huyện đến nay đã được UBND tỉnh công nhận 01 vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, quy mô 335 ha, với 01 tổ chức (Hợp tác xã nông nghiệp Công Bằng Thuận An) và 186 hộ nông dân tham gia. Ngoài ra năm 2024, UBND xã Đắk Găn tiếp tục hoàn thiện gửi hồ sơ đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và công nhận vùng sản xuất Xoài ứng dụng công nghệ cao xã Đắk Găn. UBND xã Đức Minh đã gửi hồ sơ đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao xã Đức Minh.

- Công tác bảo vệ rừng được chú trọng, thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trái với các quy định của Pháp luật, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ xảy ra phá rừng, lấn, chiếm rừng, khai thác, mua, bán, vận chuyển, tàng trữ lâm sản trái pháp luật, qua đó góp phần đảm bảo tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Trong năm 2024, trên địa bàn huyện không xảy ra các vụ vi phạm về Luật lâm nghiệp; lập biên bản xử lý 05 vụ vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, tăng 03 vụ so với năm 2023; diện tích phát triển rừng năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Mil là: 28,254ha.

b. Công nghiệp - xây dựng

Ngành công nghiệp trên địa bàn huyện Đắk Mil năm 2024 có bước phát triển khá, khai thác và phát huy tốt các tiềm năng về công nghiệp chế biến nông, lâm sản, công nghiệp nhẹ và năng lượng, từng bước trở thành ngành kinh tế động lực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo định hướng. Ước Tổng giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng năm 2024 theo giá cố định 2010 ước đạt 1.586 tỷ đồng; theo giá hiện hành ước đạt 1.775 tỷ đồng, tăng 2,3% so với năm 2023.

- Trong năm 2024 ước cấp được 220 giấy phép xây dựng nhà ở và các công trình khác cho các hộ gia đình trên địa bàn quy hoạch đô thị Đắk Mil (Ước tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023). Triển khai lập quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn huyện.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện, các tuyến đường đã và đang được đầu tư, góp phần vào thay đổi diện mạo đô thị, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại cho người dân, góp phần thúc đẩy giao thương và phát triển kinh tế - xã hội.

- Công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự đô thị và xây dựng cơ bản theo đúng các quy định của pháp luật. Đã rà soát, đề nghị điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Đắk Mil đến năm 2030 và được UBND tỉnh phê duyệt. Tổ chức rà soát, hoàn thiện hồ sơ đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đắk Mil đến năm 2035 trình Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán, UBND huyện sẽ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đắk Mil trình các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Công tác thực hiện các tiêu chuẩn thành lập Thị xã Đắk Mil: Thực hiện rà soát, đánh giá lại các tiêu chuẩn thành lập Thị xã hiện chưa đạt; phối hợp các đơn vị đề xuất giải pháp để hoàn thành tiêu chuẩn thành lập thị xã trong thời gian tới.

c. Thương mại - dịch vụ, du lịch và xuất nhập khẩu:

Hoạt động thương mại và dịch vụ được mở rộng, có bước phát triển nhanh, lượng hàng hoá phong phú, đa dạng về chủng loại, chất lượng ngày càng cao hơn, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân; tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ ước năm 2024 đạt 7.900 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2023; Giá mặt hàng nông sản Hồ tiêu, Cà phê tăng cao; Hoạt động lưu trú, ăn uống, tăng cao trong dịp Lễ, Tết.

- Về dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách: Hợp tác xã giao thông vận tải Đắk Mil có 70 đầu xe. Khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 62 triệu tấn/năm Bến xe khách Đại Lợi có 12 đầu xe; Các doanh nghiệp vận tải hành khách có 10 đầu xe, đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá và hành khách của người dân trên địa bàn huyện, thực hiện đầy đủ, đúng quy trình giải quyết cho xe ra vào bến; thực hiện kiểm tra, kiểm soát các xe ra vào bến đăng ký đón trả khách đúng quy định và xe hoạt động đối lưu, các tuyến cố định... được trải dài trên các tỉnh, thành phố, đồng thời đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn huyện; vận chuyển hành khách ước đạt 50 triệu lượt khách.

- Về lĩnh vực Du lịch: Hiện nay, huyện Đắk Mil có 03 khách sạn (69 phòng), 34 nhà nghỉ và 02 Homestay lưu trú du lịch (329 phòng). Công suất sử dụng buồng trung bình năm của các cơ sở lưu trú đạt trên 70; Có trên 10 cơ sở ăn uống và 06 nhà hàng phục vụ khách đến lưu trú và du lịch với 2.500 chỗ ngồi, phục vụ các món ăn khác nhau đáp ứng nhu cầu của khách lưu trú và du lịch. Ngoài ra còn có

các cửa hàng ăn uống nhỏ phục vụ chủ yếu các món ăn bình dân trên địa bàn huyện. Bài trí nhà hàng thường đơn giản, với các món ăn giá cả bình dân, chất lượng các món ăn đáp ứng nhu cầu của du khách; Thời gian qua các điểm thể dục, thể thao và vui chơi giải trí, karaoke, massage, bể bơi nhân tạo, sân tennis... đã được phát triển. Toàn huyện có 01 sân vận động, 01 nhà luyện tập và thi đấu thể thao; 20 sân bóng đá mini; 08 sân tennis; 07 sân quần vợt; 28 sân bóng chuyền; 06 nhà luyện tập thể dục, thể thao; 04 sân bóng rổ; 01 sân Patin; 03 khu vui chơi giải trí; 06 bể bơi nhân tạo; 08 phòng tập gym. Nhìn chung các điểm vui chơi giải trí đã phần nào đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ và tập luyện thể dục, thể thao của nhân dân trong huyện. Tính từ đầu năm 2024 đến nay, lượt khách tham quan, nghỉ dưỡng trên địa bàn huyện hơn 100.000 lượt, doanh thu ước đạt hơn 20 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2023. Qua kiểm tra ghi nhận chất lượng dịch vụ tại các điểm du lịch, lưu trú trên địa bàn huyện đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh an toàn thực phẩm. Đồng thời, thực hiện niêm yết công khai giá dịch vụ, bố trí đầy đủ các biển báo nguy hiểm ở những nơi có thể xảy ra tai nạn tại các điểm tham quan du lịch, thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật, độ an toàn của các phương tiện vận chuyển khách du lịch.

Trong năm 2024 cùng với sự phát triển của chuyển đổi số đã hình thành các hình thức kinh doanh, dịch vụ trên nền tảng công nghệ số; tiếp tục phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh triển khai hỗ trợ đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị vào sản xuất các doanh nghiệp.

(Theo Báo cáo số 854/BC-UBND ngày 06/12/2024 của UBND huyện Đắk Mil về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024 và xây dựng kế hoạch năm 2025)

1.2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

Theo kết quả điều tra xã hội hiện nay, dân số huyện có 105.813 người. Số lao động được tạo việc làm 4.518 người; đào tạo nghề: 2.278 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo 41%.

Tình hình dân số, lao động, việc làm, thu nhập, và tập quán tại huyện Đắk Mil có mối quan hệ chặt chẽ với việc sử dụng đất. Sự phát triển kinh tế - xã hội đang tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức trong việc quản lý và khai thác tài nguyên đất. Để đảm bảo sự phát triển bền vững, cần có chiến lược đồng bộ nhằm quy hoạch,

kế hoạch sử dụng đất hiệu quả, nâng cao năng lực lao động, và chuyển đổi mô hình kinh tế địa phương theo hướng hiện đại và thân thiện với môi trường.

1.2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

Công tác quản lý, phát triển đô thị: Thực hiện đầu tư theo đúng quy hoạch và chương trình phát triển đô thị; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, lựa chọn các công trình đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không đầu tư dàn trải, không để nợ đọng vốn đầu tư. Tăng cường quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng ngay từ khâu lập, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư đến triển khai và quyết toán vốn đầu tư. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu các công trình, dự án khởi công để thực hiện các dự án đảm bảo tiến độ yêu cầu. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, đảm bảo công trình thi công đúng thiết kế, kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng công trình.

Thực trạng phát triển nông thôn: Cùng với phát triển kinh tế, chất lượng đời sống văn hóa tinh thần của người dân trên địa bàn ngày càng được nâng cao. Các địa phương đều có nhà văn hóa, sân thể thao để phục vụ nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể thao của người dân. Công tác bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan nông thôn đã được địa phương chú trọng, bố trí nguồn lực đầu tư thực hiện. Nhiều mô hình thu gom rác thải, trồng hoa, lắp điện chiếu sáng hai bên đường được người dân tham gia nhiệt tình. Qua đó, huyện Đăk Mil từng bước hình thành các khu dân cư nổi bật về cảnh quan đường làng, ngõ xóm “sáng, xanh, sạch, đẹp”, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn.

1.3. Phân tích, đánh giá bổ sung các nguồn lực của huyện và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất

Việc sử dụng đất tại huyện Đăk Mil chịu sự chi phối từ nhiều nguồn lực và bối cảnh đặc thù, cả từ nội tại địa phương và cấp tỉnh. Những yếu tố này tác động đến quy hoạch, quản lý, và khai thác tài nguyên đất trong các lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, đô thị hóa, và bảo vệ môi trường.

a. Nguồn lực và bối cảnh tự nhiên

Đăk Mil có địa hình đồi núi thấp và các cao nguyên, thuận lợi cho trồng cây công nghiệp lâu năm như cà phê, hồ tiêu, và cây ăn quả. Một số vùng đất bằng phẳng gần các suối và hồ tự nhiên thích hợp cho canh tác lúa nước và các loại cây ngắn ngày.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa, với lượng mưa tương đối cao, cung cấp điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Tài nguyên nước từ hệ thống sông, suối, và hồ lớn (như hồ Đăk Mil) hỗ trợ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản.

b. Nguồn lực và bối cảnh kinh tế - xã hội

Kinh tế Đăk Mil chủ yếu dựa vào nông nghiệp, đặc biệt là các cây công nghiệp xuất khẩu (cà phê, hồ tiêu). Tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến nông sản và thương mại dịch vụ tại địa phương.

Đăk Mil có mạng lưới giao thông liên kết với các vùng lân cận, tạo điều kiện cho việc luân chuyển hàng hóa và phát triển các khu đô thị, thương mại.

c. Nguồn lực và bối cảnh nhân lực

Lực lượng lao động chủ yếu trong độ tuổi lao động, tập trung ở lĩnh vực nông nghiệp. Người dân có kinh nghiệm trong trồng trọt các loại cây công nghiệp.

Dân số chủ yếu sống ở nông thôn, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế nông nghiệp. Một số khu vực đông dân cư gần trung tâm huyện có thể chuyển đổi sang phát triển dịch vụ.

d. Nguồn lực và bối cảnh chính sách

Tỉnh Đăk Nông có chính sách ưu tiên phát triển kinh tế nông nghiệp và công nghiệp chế biến, tạo điều kiện khai thác hiệu quả tài nguyên đất. Các chương trình hỗ trợ tái canh cà phê, chuyển đổi cây trồng góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Chính quyền huyện đang từng bước thực hiện quy hoạch sử dụng đất theo hướng bền vững. Các chương trình bảo vệ và phát triển rừng được triển khai để hạn chế tình trạng lấn chiếm đất rừng.

e. Tác động đến việc sử dụng đất

Tiềm năng tự nhiên, đặc biệt là đất phù sa và khí hậu phù hợp, giúp huyện phát triển mạnh các cây công nghiệp và cây ăn quả. Chính sách tái canh và phát triển hạ tầng hỗ trợ việc sử dụng đất theo hướng hiệu quả hơn.

Tuy nhiên với áp lực kinh tế và dân số dẫn đến tình trạng khai thác tài nguyên đất quá mức, gây thoái hóa đất và mất cân bằng sinh thái. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất không kiểm soát, đặc biệt từ đất nông nghiệp và đất rừng sang đất xây dựng, làm giảm quỹ đất dành cho sản xuất và bảo tồn.

Nguồn lực và bối cảnh tự nhiên, kinh tế - xã hội, và chính sách tại huyện Đăk Mil và tỉnh Đăk Nông đang tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức cho việc sử dụng đất. Sự phát triển bền vững đòi hỏi các giải pháp đồng bộ về quy hoạch, quản lý, và khai thác tài nguyên đất nhằm cân bằng lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

1.4. Đánh giá chung

Với những nỗ lực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện và tinh thần trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, các phòng, ban, lực lượng vũ trang..., tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 của huyện phát triển ổn định, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Ngay từ những tháng đầu năm 2024, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt đối với các nhiệm vụ liên quan đến công tác GPMB, giải ngân vốn đầu tư công và các Chương trình MTQG; giá nhiều loại nông sản tăng cao là một tín hiệu khả quan cho ngành nông nghiệp của huyện. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

* Hạ tầng và đầu tư công chưa đồng bộ:

- Chậm tiến độ hạ tầng: Nhiều dự án hạ tầng kỹ thuật, như giao thông, cấp nước, điện, và hệ thống xử lý chất thải chưa được triển khai đầy đủ hoặc hoàn thiện theo đúng tiến độ. Điều này gây cản trở trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ, làm giảm sức cạnh tranh của địa phương;

Đầu tư công không tập trung: Các dự án đầu tư công thường được triển khai rời rạc, không có chiến lược tập trung vào những công trình trọng điểm. Việc thiếu một kế hoạch đồng bộ dẫn đến phân bổ vốn không hiệu quả và làm gián đoạn quá trình phát triển kinh tế – xã hội.

* Quản lý, giám sát và phối hợp giữa các cơ quan:

- Chưa hiệu quả trong quản lý và giám sát: Hệ thống quản lý kinh tế – xã hội ở địa phương còn tồn tại nhiều bất cập, từ việc thu thập, cập nhật số liệu cho đến giám sát thực hiện các chính sách phát triển. Thiếu cơ chế kiểm soát chặt chẽ làm khó việc đánh giá hiệu quả của các dự án và điều chỉnh kịp thời;

- Phối hợp liên ngành chưa đồng bộ: Các cơ quan chức năng ở các cấp (huyện, tỉnh) chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng và triển khai các chương trình phát triển. Điều này dẫn đến việc các chính sách, giải pháp bị lặp lại hoặc không thực sự phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

* Hạn chế về nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ:

- Đào tạo và nâng cao năng lực còn hạn chế: Mặc dù có những chương trình đào tạo, nhưng năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý và lao động trên địa bàn chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình chuyển đổi công nghệ và phát

triển kinh tế hiện đại. Sự chênh lệch về kỹ năng giữa các ngành, khu vực dẫn đến tình trạng khai thác nguồn lực không tối ưu;

- Chuyên giao công nghệ chưa hiệu quả: Các doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất nông – lâm nghiệp và công nghiệp chế biến, gặp khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ hiện đại, dẫn đến năng suất và chất lượng sản phẩm chưa cao, cản trở sự phát triển bền vững của nền kinh tế địa phương.

- * Thiếu hụt các dự án trọng điểm và hỗ trợ đầu tư:

- Định hướng đầu tư chưa rõ ràng: Việc xác định các dự án trọng điểm cần thiết cho sự phát triển kinh tế – xã hội chưa được thực hiện một cách nhất quán, dẫn đến sự lãng phí tài nguyên đất và nguồn lực đầu tư. Một số dự án được triển khai không thực sự phù hợp với nhu cầu phát triển hoặc thiếu tiềm năng tạo đà phát triển kinh tế sau này;

- Hỗ trợ đầu tư chưa đầy đủ: Các chính sách hỗ trợ đầu tư, ưu đãi về thuế, và tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Điều này làm giảm sức hút của địa phương đối với các nguồn đầu tư mới.

- * Ảnh hưởng của yếu tố ngoại cảnh và biến đổi khí hậu:

- Tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu: Các hiện tượng thời tiết bất thường, thiên tai như hạn hán có ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. Mặc dù có những biện pháp ứng phó nhất định, nhưng cơ chế dự phòng và giải quyết các tình huống khẩn cấp vẫn chưa đủ linh hoạt và hiệu quả;

- Khả năng ứng biến của các cơ quan quản lý: Khi đối mặt với các tình huống bất ngờ (như dịch bệnh, thiên tai), cơ chế ứng biến của địa phương còn chậm trễ và thiếu sự chuẩn bị, gây gián đoạn cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội.

- * Vấn đề số liệu và cơ sở dữ liệu:

- Số liệu kinh tế – xã hội chưa được cập nhật đầy đủ: Việc thu thập, thống kê và cập nhật số liệu về các chỉ tiêu kinh tế, dân số, lao động và các dự án đầu tư gặp nhiều khó khăn. Sự chậm trễ này làm ảnh hưởng đến việc hoạch định và điều chỉnh kịp thời các chính sách phát triển.

- Cơ sở dữ liệu chưa đồng bộ: Sự thiếu nhất quán giữa các nguồn dữ liệu của các cơ quan chức năng dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá tổng thể hiệu quả phát triển, từ đó gây ra những sai sót trong việc đưa ra các giải pháp điều chỉnh và cải thiện.

Những tồn tại và hạn chế trên cho thấy, mặc dù có những bước tiến nhất định trong việc phát triển kinh tế – xã hội của huyện, nhưng việc triển khai các chính sách và dự án phát triển vẫn còn gặp nhiều trở ngại do hạn chế về hạ tầng, quản lý, nguồn nhân lực, và sự phối hợp giữa các cơ quan. Để khắc phục, cần có sự đầu tư đồng bộ vào hạ tầng, cải thiện hệ thống quản lý và giám sát, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, cũng như xây dựng cơ chế ứng biến linh hoạt trước các yếu tố ngoại cảnh.

Việc khắc phục những hạn chế này là nền tảng quan trọng để đảm bảo kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn tới được triển khai hiệu quả và bền vững, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo nền tảng phát triển kinh tế ổn định cho huyện.

PHẦN II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất

Cơ sở tính hiện trạng sử dụng đất tính đến 31/12/2024:

- Số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2023 sau khi hiệu chỉnh loại đất theo Luật Đất đai 2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024;

- Kết quả thực hiện các công trình, dự án tính đến ngày 31/12/2024.

- Tổng diện tích tự nhiên của huyện năm 2024 là 67.901,69 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất nông nghiệp 63.264,09 ha, chiếm 93,17 % tổng diện tích.

+ Diện tích đất phi nông nghiệp 4.568,05 ha, chiếm 6,73 % tổng diện tích.

+ Diện tích đất chưa sử dụng 69,55 ha, chiếm 0,10 % tổng diện tích.

Bảng 02: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Mil

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		67.901,69	100,00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	63.264,09	93,17
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.127,11	1,66
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	711,16	1,05
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	415,94	0,61
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.063,67	5,98
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.771,46	55,63
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.408,71	3,55
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	17.528,79	25,81
1.5.1	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	17.443,19	25,69
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	232,51	0,34
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	131,84	0,19
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.568,05	6,73
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	645,69	0,95
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	68,30	0,10
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,94	0,02
2.4	Đất quốc phòng	CQP	363,96	0,54
2.5	Đất an ninh	CAN	8,11	0,01
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	92,12	0,14
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	9,42	0,01
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,38	0,00
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,96	0,01
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	58,88	0,09
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	14,28	0,02
2.6.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	2,21	0,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	96,06	0,14
2.7.1	Đất cụm công nghiệp	SKN	24,50	0,04
2.7.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,56	0,02

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
2.7.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	16,26	0,02
2.7.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	38,74	0,06
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.104,21	3,10
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.296,72	1,91
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	736,26	1,08
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	15,03	0,02
2.8.4	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	4,60	0,01
2.8.5	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,32	0,01
2.8.6	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	34,64	0,05
2.8.7	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,00
2.8.8	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,21	0,01
2.8.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	6,98	0,01
2.9	Đất tôn giáo	TON	40,10	0,06
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,08	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	93,95	0,14
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.038,54	1,53
2.12.1	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.038,54	1,53
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	69,55	0,10
3.1	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	69,55	0,10

(Chi tiết diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2024 phân ra từng xã, thị trấn tại biểu 01-CH kèm theo báo cáo)

a) Đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện là 63.264,09 ha, chiếm 93,17 % tổng diện tích tự nhiên, bao gồm các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: Có 1.127,11 ha, chiếm 1,66 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất trồng cây hàng năm khác: Có 4.063,67 ha, chiếm 5,98 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất trồng cây lâu năm: Có 37.771,46 ha, chiếm 55,63 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất rừng phòng hộ: Có 2.408,71 ha, chiếm 3,55 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất rừng sản xuất: Có 17.528,79 ha, chiếm 25,81 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất nuôi trồng thủy sản: Có 232,51 ha, chiếm 0,34 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất nông nghiệp khác: Có 131,84 ha, chiếm 0,19 % tổng diện tích tự nhiên.

b) Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp: Có 4.568,05 ha, chiếm 6,73 % tổng diện tích tự nhiên, bao gồm các loại đất sau:

- Đất ở tại nông thôn: Có 645,69 ha, chiếm 0,95 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất ở tại đô thị: Có 68,30 ha chiếm 0,10 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có 16,94 ha, chiếm 0,02 % tổng diện tích tự nhiên;

- Đất quốc phòng: 363,96 ha, chiếm 0,54 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất an ninh: Có 8,11 ha, chiếm 0,01 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Có 92,12 ha, chiếm 0,14 % tổng diện tích tự nhiên (Trong đó: đất xây dựng cơ sở văn hóa 9,42 ha, đất xây dựng cơ sở xã hội 0,38 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 6,96 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo 58,88 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 14,28 ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 2,21 ha);

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Có 96,06 ha, chiếm 0,14 % tổng diện tích tự nhiên (trong đó đất cụm công nghiệp 24,50 ha, đất thương mại dịch vụ 16,56 ha, đất sản xuất kinh doanh 16,26 ha, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 38,74 ha);

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Có 2.104,21 ha, chiếm 3,10 % tổng diện tích tự nhiên (trong đó: đất công trình giao thông 1.296,72 ha, đất công trình thủy lợi 736,26 ha, đất công trình cấp nước, thoát nước 15,03 ha, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 4,60 ha, đất công trình xử lý chất thải 5,32 ha, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 34,64 ha, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 0,46 ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 4,21 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 6,98 ha);

- Đất tôn giáo: có 40,10 ha, chiếm 0,06 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất tín ngưỡng: có 0,08 ha, chiếm 0,01 % tổng diện tích tự nhiên;
- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ cho cốt: có 93,95 ha, chiếm 0,14 % tổng diện tích tự nhiên;

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Có 1.038,54 ha, chiếm 1,53 % tổng diện tích tự nhiên (trong đó đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối có 1.038,54 ha).

c) Đất chưa sử dụng: Có diện tích 69,55 ha chiếm 0,10 % tổng diện tích tự nhiên.

2.2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Mil được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 và tại Quyết định số 1417/QĐ-

UBND ngày 19/11/2024. Theo đó, các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được đưa vào thực hiện và đang thực hiện. Các công trình kế hoạch chưa được thực hiện phần lớn là do không có vốn đầu tư, chưa giải phóng được mặt bằng. Một số vị trí quy hoạch nhưng đến thời điểm hiện có điều chỉnh nên vướng trong công tác điều chỉnh quy hoạch. Một số hạng mục công trình có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nhưng chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai nên phải lùi tiến độ thực hiện, dự án chưa thực hiện xong do vướng thủ tục đất đai. Một số công trình thực hiện nằm ngoài kế hoạch sử dụng đất do nguồn vốn,...

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil được đánh giá chi tiết qua một số nội dung dưới đây:

2.2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp năm 2024

- Công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và hiệu quả: Hoàn thành, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Hoàn thành công tác thông kê đất đai huyện Đắk Mil năm 2023.

- Công tác cấp GCN QSD đất: Trong năm 2024 huyện đã cấp 381 Giấy CNQSD đất và QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 378 hộ, với diện tích 365,12 ha, trong đó 1,16ha đất ở; 363,96ha đất nông nghiệp. Thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất được 189 hồ sơ với diện tích là 34.726,5m² từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (chủ yếu là đất ở).

- Công tác giao đất, thu tiền sử dụng đất: Tổ chức thành công công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với 06 lô đất tại thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil. Thu thuế, phí và lệ phí đạt 135 tỷ đồng, đạt 135,79% dự toán tỉnh và dự toán huyện giao; Thu tiền sử dụng đất đạt 33 tỷ đồng, đạt 51,56% dự toán tỉnh và dự toán HĐND huyện giao; Thu khác ngân sách 8,5 tỷ đồng, đạt 160,98% dự toán tỉnh và dự toán huyện giao. Số thu sử dụng đất cơ bản chưa đạt kế hoạch, nguyên nhân do tình thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện chưa thực hiện được (0/14 tỷ đồng).

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng: UBND thị trấn, UBND các xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác kiểm đếm, xác nhận, lập, kiểm tra, thẩm định và tham mưu UBND huyện phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và giao đất tái định cư, bồi thường bằng đất của các dự án trên địa bàn huyện...

- Khoáng sản, môi trường: Lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý 10 cá nhân khai thác khoáng sản trái phép, đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, với tổng số tiền 40 triệu đồng.

- Công tác thanh tra: Thường xuyên chỉ đạo công tác theo kế hoạch, tổ chức, triển khai thực hiện công tác thanh tra đảm bảo đúng tiến độ, thời gian.

2.2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024

Tính đến hết tháng 12/2024, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil đã được triển khai và thực hiện một cách hệ thống từ cấp huyện đến cấp xã. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau: đất nông nghiệp đạt 2,67% kế hoạch được duyệt; đất chưa sử dụng đạt 0% kế hoạch được duyệt; đất phi nông nghiệp đạt 2,51% kế hoạch. Việc thực hiện thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch còn thấp nguyên nhân chủ yếu là do các công trình dự án vẫn còn đang triển khai thực hiện chưa hoàn thành được trong năm 2024 (có 57/101 công trình, dự án đang triển khai thực hiện chiếm 56,44% công trình, dự án được phê duyệt).

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất chi tiết của từng loại đất năm 2024 của huyện được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 03: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		67.901,69	67.901,69	67.901,69					
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	63.275,49	62.848,26	63.264,09	-11,40	2,67	415,83	415,83	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.127,11	1.117,42	1.127,11			9,69	9,69	
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	711,16	710,21	711,16			0,95	0,95	
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	415,94	407,21	415,94			8,73	8,73	
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.064,38	3.914,64	4.063,67	-0,71	0,47	149,03	149,03	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.782,15	37.374,43	37.771,46	-10,69	2,62	397,03	397,03	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.408,71	2.408,29	2.408,71			0,42	0,42	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	17.528,79	17.504,09	17.528,79			24,70	24,70	
1.5.1	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>17.443,19</i>	<i>17.414,21</i>	<i>17.443,19</i>			<i>28,98</i>	<i>28,98</i>	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	232,51	222,85	232,51			9,66	9,66	
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	131,84	306,54	131,84			-174,70	174,70	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.556,65	5.010,40	4.568,05	11,40	2,51	-442,35	442,35	
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	641,77	664,56	645,69	3,92	17,20	-18,87	18,87	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	67,78	68,05	68,30	0,52	52,72	0,25	0,23	0,02

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,94	19,03	16,94			-2,09	2,31	0,22
2.4	Đất quốc phòng	CQP	359,95	411,50	363,96	4,01	7,78	-47,54	47,54	
2.5	Đất an ninh	CAN	7,86	10,37	8,11	0,25	9,96	-2,26	2,26	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	92,12	92,16	92,12			-0,04	0,20	-0,24
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	9,42	10,01	9,42			-0,59	0,54	-0,05
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,38	0,38	0,38			0,00	0,00	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,96	7,10	6,96			-0,14	0,05	-0,19
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	58,88	61,22	58,88			-2,34	2,34	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	14,28	13,45	14,28			0,83	0,83	
2.6.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	2,21		2,21			2,21	2,21	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	96,06	235,98	96,06			-139,92	139,92	
2.7.1	Đất cụm công nghiệp	SKN	24,50	24,50	24,50			0,00	0,00	
2.7.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,56	73,46	16,56			-56,90	56,90	
2.7.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	16,26	38,95	16,26			-22,69	22,69	
2.7.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	38,74	99,07	38,74			-60,33	60,33	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.101,51	2.379,55	2.104,21	2,70	0,97	-275,34	275,34	
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.294,02	1.334,49	1.296,72	2,70	6,67	-37,77	37,77	
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	736,26	952,38	736,26			-216,12	216,12	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	15,03		15,03			15,03	15,03	
2.8.4	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	4,60	4,60	4,60			0,00	0,00	
2.8.5	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,32	16,16	5,32			-10,84	10,84	
2.8.6	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	34,64	60,33	34,64			-25,69	25,69	
2.8.7	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,45	0,46			0,01	0,01	
2.8.8	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,21	4,16	4,21			0,05	0,05	
2.8.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	6,98	6,98	6,98			0,00	0,00	
2.9	Đất tôn giáo	TON	40,10	40,77	40,10			-0,67	0,67	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,08	0,08	0,08			0,00	0,00	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	93,95	93,43	93,95			0,52	0,52	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.038,54	994,92	1.038,54			43,62	43,62	
2.12.1	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.038,54	994,92	1.038,54			43,62	43,62	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	69,55	43,04	69,55			26,51	26,51	
3.1	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	69,55	43,04	69,55			26,51	26,51	

Tổng diện tích tự nhiên của huyện năm 2024 là 67.901,69 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023. Kết quả thực hiện quy hoạch từng loại đất chi tiết như sau:

** Đất nông nghiệp*

Đất nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 62.848,26 ha, kết quả thực hiện là 63.264,09ha, đạt 2,67% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, giảm 11,40 ha so với năm 2023, còn 415,83ha chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp theo quy hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Kế hoạch được duyệt là 1.117,42ha, kết quả thực hiện là 1.127,11ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, còn 9,69ha chưa thực hiện;
- Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch được duyệt là 3.914,64ha, kết quả thực hiện là 4.063,67ha, đạt 0,47% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, còn 149,03ha chưa thực hiện;
- Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được duyệt là 37.374,43ha, kết quả thực hiện là 37.771,46ha, đạt 2,62% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, còn 397,03ha chưa thực hiện;
- Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch được duyệt là 2.408,29ha, kết quả thực hiện là 2.408,71ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, còn 0,42ha chưa thực hiện;
- Đất rừng sản xuất: Kế hoạch được duyệt là 17.504,09ha, kết quả thực hiện là 17.528,79ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, còn 24,70ha chưa thực hiện;
- Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch được duyệt là 222,85ha, kết quả thực hiện là 232,51ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, còn 9,66ha chưa thực hiện;
- Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch được duyệt là 306,54ha, kết quả thực hiện 131,84ha, còn 174,70ha chưa thực hiện.

** Đất phi nông nghiệp*

Đất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 5.010,40ha, kết quả thực hiện là 4.568,05ha, đạt 2,51% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, còn 442,35ha chưa thực hiện được. Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 664,56 ha, kết quả thực hiện là 645,69 ha, đạt 17,20 % chỉ tiêu kế hoạch được, còn 18,87 ha chưa thực hiện;
- Đất ở tại đô thị: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 68,05ha, kết quả thực hiện 68,30ha, đạt 52,72 % chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, còn 0,25ha chưa thực hiện được;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 19,03 ha, kết quả thực hiện 16,94ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 2,09ha chưa thực hiện được;
- Đất quốc phòng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 411,50ha, kết quả thực hiện là 363,96ha, đạt 7,78% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, còn 47,54ha chưa thực hiện được;
- Đất an ninh: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 10,37ha, kết quả thực hiện là 8,11ha, đạt 9,96% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, còn 2,26 ha chưa thực hiện được;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 10,01ha, kết quả thực hiện là 9,42ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 0,59ha chưa thực hiện được;
- Đất xây dựng cơ sở xã hội: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 0,38ha, kết quả thực hiện là 0,38ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 7,10ha, kết quả thực hiện 6,96ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 0,14ha chưa thực hiện được;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 61,22ha, kết quả thực hiện 58,88ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 2,34ha chưa thực hiện được;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 13,45ha, kết quả thực hiện là 14,28ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 0,83ha chưa thực hiện được;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác có 2,21ha. Theo kế hoạch được duyệt trước đây không có các chỉ tiêu này vì vậy không có cơ sở để đánh giá;
- Đất cụm công nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 24,50ha, kết quả thực hiện là 24,50ha, chiếm 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt;

- Đất thương mại, dịch vụ: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 73,46ha, kết quả thực hiện 16,56ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 56,90ha chưa thực hiện được;

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 38,95ha, kết quả thực hiện 16,26ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 22,69ha chưa thực hiện được;

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Theo mục d, khoản 5, Điều 5, Nghị định 102/NĐ-CP ngày 30/7/2024 đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm được gộp chung vào mục đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản. Nên đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 99,07ha, kết quả thực hiện là 38,74ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 60,33ha chưa thực hiện được;

- Đất công trình giao thông: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 1.334,49ha, kết quả thực hiện là 1.296,72ha, đạt 6,67% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, còn 37,77ha chưa thực hiện được;

- Đất thủy lợi: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 952,38ha, kết quả thực hiện là 736,26ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 216,12ha chưa thực hiện được;

- Căn cứ thông tư 29/2024/TT-TNMT ngày 12/12/2024 đất công trình cấp nước, thoát nước trên địa bàn huyện Đắk Mil có diện tích là 15,03ha;

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 4,60ha, kết quả thực hiện là 4,60ha, đạt 100,00 % chỉ tiêu kế hoạch được duyệt;

- Đất công trình xử lý chất thải: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 16,16ha, kết quả thực hiện là 5,32ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 10,84ha chưa thực hiện được;

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 60,33ha, kết quả thực hiện là 34,64ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 25,69ha chưa thực hiện được;

- Đất công trình hạ tầng bưu chính viễn thông: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 0,45ha, kết quả thực hiện là 0,46ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 0,01ha chưa thực hiện được;

- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 4,16ha, kết quả thực hiện là 4,21ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 0,05ha chưa thực hiện được;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng kế hoạch được duyệt năm 2024 là 6,98ha, kết quả thực hiện là 6,98ha, chiếm 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt;

- Đất cơ sở tôn giáo: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 40,77ha, kết quả thực hiện là 40,10ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 0,67ha chưa thực hiện được;

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 0,08ha, kết quả thực hiện 0,08ha, chiếm 100% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt;

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 93,43ha, kết quả thực hiện 93,95ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 0,52ha chưa thực hiện được;

- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 994,92ha, kết quả thực hiện là 1.038,54ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 43,62ha chưa thực hiện được.

** Đất chưa sử dụng*

Đất chưa sử dụng: Kế hoạch được duyệt năm 2024 là 43,04ha, kết quả thực hiện 69,55ha, không thay đổi so với năm hiện trạng 2023, còn 26,51ha đất chưa sử dụng chưa đưa vào sử dụng theo kế hoạch được duyệt.

2.2.3. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đăk Mil được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 02/4/2024; Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 19/11/2024 có 101 công trình, dự án được triển khai thực trong năm kế hoạch. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024 của huyện cụ thể như sau:

- Đã thực hiện xong 22/101 công trình, dự án với diện tích 14,44 ha, chiếm tỷ lệ 21,78%, bao gồm các công trình được thể hiện chi tiết dưới bảng sau:

Bảng 04: Các công trình, dự án đã thực hiện xong trong kế hoạch năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm	Ghi chú
1	Trục đường còn lại của Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 13	0,20	TT Đăk Mil	Đã thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm	Ghi chú
2	Đường giao thông từ Bản Cao Lạng đi Nam Xuân Krông Nô (ĐH11-A)	0,50	Đắk Gắn	Đã thực hiện
3	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk	1,50	Đức Minh, Đức Mạnh, Đắk Sắk	Đã thực hiện
4	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Trần Phú đi QL 14C	0,50	TT Đắk Mil	Đã thực hiện
5	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil	1,32	Thuận An	Đã thực hiện, chưa cấp GCN
6	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil	1,78	Đắk Lao	Đã thực hiện, chưa cấp GCN
7	Trụ sở công an xã Đức Mạnh	0,25	Đức Mạnh	Đã thực hiện, chưa cấp GCN
8	Công trình quốc phòng	0,91	Đắk Lao; Thuận An; Đắk N'Drot; Đắk R'la	Đã thực hiện, chưa cấp GCN
9	Khu đất sau trường Trần Hưng Đạo	0,12	TT Đắk Mil	Đã thực hiện
10	Thửa đất giáp đường Văn Tiến Dũng, và đường Xuân Diệu khu gia binh	0,02	TT Đắk Mil	Đã thực hiện
11	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 3	0,03	TT Đắk Mil	Đã thực hiện
12	Bãi rác xã Đắk N'Drot	2,00	Đắk N'Drot	Đã thực hiện
13	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk Gắn	3,00	Đắk Gắn	Đã thực hiện 0,59 ha CLN, 0,07 ha HNK
14	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk R'La	3,00	Đắk R'La	Đã thực hiện 0,12ha CLN
15	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk N'Drot	2,00	Đắk N'Drot	Đã thực hiện 0,23 ha CLN, 0,07ha HNK
16	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đức Minh	3,00	Đức Minh	Đã thực hiện 0,21ha CLN, 0,10ha HNK
17	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại nông thôn	6,00	Thuận An	Đã thực hiện 0,11ha CLN
18	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk Lao	3,00	Đắk Lao	Đã thực hiện 0,44 ha CLN, 0,01 ha HNK
19	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Long Sơn	1,50	Long Sơn	Đã thực hiện 0,01ha CLN
20	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đức Mạnh	3,00	Đức Mạnh	Đã thực hiện 1,43ha CLN, 0,28 ha HNK
21	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk Sắk	5,00	Đắk Sắk	Đã thực hiện 0,55ha CLN
22	Chuyên mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị nhu cầu hộ gia đình, các nhân tại thị trấn Đắk Mil	0,80	TT Đắk Mil	Đã thực hiện 0,81 ha CLN, 0,01ha HNK

- Có 04/101 công trình với diện tích 14,20 ha, chiếm 3,96% tổng công trình đã được phê duyệt đề nghị không chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025, bao gồm:

Bảng 05: Các công trình dự án chưa thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đề nghị không chuyển tiếp sang năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm	Ghi chú
1	Trạm y tế thị trấn Đăk Mil	0,19	TT Đăk Mil	Không chuyển sang KH 2025
2	Hội trường tổ dân phố 16(cũ)	0,03	TT Đăk Mil	Không chuyển sang KH 2025
3	Hội trường tổ dân phố 1(cũ)	0,02	TT Đăk Mil	Không chuyển sang KH 2025
4	Giao đất, giao rừng	13,96	Thuận An	Không chuyển sang KH 2025

- Trong năm 2024 trên địa bàn huyện có 57/101 công trình, dự án đang triển khai thực hiện chiếm 56,44%. Chi tiết các dự án sau:

Bảng 06: Các công trình dự án đang triển khai thực hiện trong năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm	Đánh giá kết quả thực hiện 2024
1	Đất trụ sở công an xã Long Sơn	0,10	Long Sơn	Đang XD
2	Trụ sở công an xã Đăk Gắn	0,10	Đăk Gắn	Đang XD
3	Tiêu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	27,10	TT Đăk Mil; Thuận An, Đức Minh, Đăk Lao	Đang thi công; đã có QĐ THĐ; GPMB
4	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14)	3,50	TT Đăk Mil, Thuận An	Đang thực hiện thu hồi đất
5	Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đăk Mil (Đ16)	2,50	TT Đăk Mil, Đức Minh, Đức Mạnh	Đã có QĐ GPMB
6	Đường giao thông từ cửa khẩu Đăk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đăk Mil (giai đoạn 1)	4,80	Đức Minh và Thuận An	Đang thi công; đã có QĐ THĐ; GPMB
7	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đăk Mil	3,90	Đức Minh, Thuận An	Đang đợi QĐ THĐ
8	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	5,60	Đức Minh, Đăk Săk, Đức Mạnh	Đang thực hiện
9	Đường giao thông liên xã Đăk R'la đi xã Đăk N'Drot, huyện Đăk Mil	6,30	Đăk R'La, Đăk N'Drot	Đang thực hiện thu hồi đất
10	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3	3,62	Đức Minh, Long Sơn, Đăk Săk	Đang thực hiện
11	Hồ thủy lợi Đăk Klo Ou, xã Đăk Lao	25,00	Đăk Lao	Đang chi trả tiền
12	Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đăk Nông	29,00	Đăk R'La	Đang thực hiện
13	Hồ Đăk Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)	184,60	Đăk R'La, Đăk Gắn	Đã có QĐ GPMB GĐ1

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm	Đánh giá kết quả thực hiện 2024
14	Đường từ đường Lê Duẩn đi Trụ sở UBND xã Đức Minh mới (Giai đoạn 1)	4,50	Đức Minh	Đang thi công; đã có QĐ THĐ; GPMB
15	Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi Tỉnh lộ 683	5,40	Đắk Lao, Thuận An	Đang đền bù
16	Đường Lê Lợi	0,67	TT Đắk Mil	Đang thực hiện
17	Dự án định canh, định cư tập trung xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	2,34	Đắk R'La	Đang thực hiện, đã có TB THĐ
18	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Sắk và bon Đắk Mâm, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	2,50	Đắk Sắk	Đang thực hiện
19	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Láp, xã Đắk Gắn và Bon Jun Juh, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	1,98	Đắk Gắn, Đức Minh	Đang thi công
20	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trãi	1,73	TT Đắk Mil	Đang thực hiện
21	Đất thương mại dịch vụ Xã Đắk N'Drot	0,10	Đắk N'Drot	Đang thực hiện thuê đất, chuyển mục đích SDĐ
22	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắk Gắn			
23	Hội trường thôn 2	0,04	Đắk N'Drot	Đang thực hiện xây dựng
24	CĐMĐ sử dụng đất đất tôn giáo Tu Trấp bon SaPa	0,17	Thuận An	Đang thẩm định giao đất
25	Mỏ đá Bazan thôn 3, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (Tên cũ: Mỏ đất Thạch Lợi)	6,63	Đức Mạnh	Đang thực hiện
26	Công ty TNHH chăn nuôi Lộc Phú	4,60	Đắk Gắn	Đang thực hiện
27	Công ty TNHH chăn nuôi Minh Phú	29,59	Đắk Gắn	Đang thực hiện
28	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắk R'La			
-	<i>Công ty TNHH chăn nuôi Thảo Nguyên Green Farm</i>	17,19	<i>Đắk R'La</i>	Đang thực hiện
-	<i>Công ty TNHH chăn nuôi Nam Tiến Phát</i>	13,15	<i>Đắk R'La</i>	Đang thực hiện
-	<i>Công ty TNHH chăn nuôi Phát Tài Lộc</i>	9,46	<i>Đắk R'La</i>	Đang thực hiện
-	<i>Công ty TNHH chăn nuôi Lâm Thịnh Phát</i>	20,00	<i>Đắk R'La</i>	Đang thực hiện
-	<i>Công ty TNHH chăn nuôi Trần Nguyên</i>	16,50	<i>Đắk R'La</i>	Đang thực hiện
-	<i>Trang trại chăn nuôi heo nái Hưng Phú</i>	21,38	<i>Đắk R'La</i>	Đang thực hiện
29	Nhu cầu chuyển đổi mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp tại các xã	10,00		
-	<i>Thuận An</i>	10,00	<i>Thuận An</i>	<i>Đang thực hiện</i>
30	Đất chăn nuôi tập trung tại xã Đắk R'La			
-	<i>Công ty TNHH MTV chăn nuôi Hoàng Tuấn Nam</i>	25,36	<i>Đắk R'La</i>	<i>Đang thực hiện</i>
31	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắk Lao	10,00	Đắk Lao	Đang thực hiện

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm	Đánh giá kết quả thực hiện 2024
32	Khu đất sân vận động Tổ dân phố 6 (dự kiến)	0,92	TT Đăk Mil	Đang thực hiện
33	Phần còn lại của dự án Hoa Viên khu dân cư mới tổ dân phố 13 (nay là TDP 5)	0,20	TT Đăk Mil	Đang thực hiện
34	Cơ sở giáo dục tư thục	2,47	Đăk Lao	Đang kêu gọi đầu tư
35	Trung tâm trưng bày, chăm sóc ô tô và dịch vụ nhà hàng, khách sạn	0,81	TT Đăk Mil	Đang kêu gọi đầu tư
36	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1	35,43	Đăk Lao	Đang kêu gọi đầu tư
37	Trung tâm bảo quản nông nghiệp CNC Thuận An	5,80	Thuận An	Đang kêu gọi đầu tư
38	Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bảo quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu	16,90	Đăk Săk	Đang kêu gọi đầu tư
39	Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đăk Mil	8,19	Đăk Lao	Đang kêu gọi đầu tư
40	Giáo họ Bình Thuận	0,28	Đức Mạnh	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
41	Miếu cô	0,08	Đăk Lao	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
42	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ công trình thủy lợi trên địa bàn Huyện Đăk Mil (Nhà quản lý thị trấn)	0,08	TT Đăk Mil	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
43	Nhà sinh hoạt thôn Bắc Sơn	0,13	Đăk Gănn	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
44	Phân hiệu trường Măng Non	0,19	Đăk N'Drot	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
45	Mở rộng trường tiểu học Bi Năng Tắc	0,08	Đăk Gănn	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
46	Phân hiệu trường Hà Huy Tập (thôn 6)	0,63	Đăk N'Drot	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
47	Điểm chốt dân quân xã Đăk Lao	1,10	Đăk Lao	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
48	Điểm chốt dân quân xã Thuận An	1,67	Thuận An	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
49	Trụ sở công an xã Đăk N'Drot	0,20	Đăk N'Drot	Đã XD xong, chưa cấp GCN
50	Trụ sở công an xã Đức Minh	0,13	Đức Minh	Đã XD xong, chưa cấp GCN
51	Trụ sở công an xã Đăk R'La	0,10	Đăk R'La	Đã XD xong, chưa cấp GCN
52	Trụ sở công an xã Đăk Săk	0,15	Đăk Săk	Đã XD xong, chưa cấp GCN
53	Trụ sở công an xã Thuận An	0,14	Thuận An	Đã XD xong, chưa cấp GCN
54	Trụ sở công an xã Đăk Lao	0,15	Đăk Lao	Đã XD xong, chưa cấp GCN

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm	Đánh giá kết quả thực hiện 2024
55	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	2,00	Đức Minh	Đang thi công; có QĐ THĐ; GPMB
56	Trạm y tế (khu dân cư số 2)	0,12	Thuận An	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy
57	Mở rộng trạm y tế xã Đăk R'La	0,02	Đăk R'La	Đang thực hiện

- Kết quả tổng hợp có 18/101 công trình, dự án chưa thực hiện đề nghị chuyển tiếp sang năm 2025, cụ thể các công trình sau:

Bảng 07: Các công trình, dự án chưa thực hiện đề nghị chuyển tiếp sang năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm	Đánh giá kết quả thực hiện 2024
1	Thao trường huấn luyện huyện Đăk Mil	42,00	Đăk R'La	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
2	Đồn Biên Phòng Cửa Khẩu (nhà làm việc đội công tác)	0,02	Thuận An	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
3	Đất quốc phòng	4,80	Đăk Lao	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
4	Trụ sở Công an PCCC	0,93	Thuận An	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
5	Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư	6,70	Đức Minh	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
6	Đường từ Quốc lộ 14 nối đường liên xã Đức Minh - Thuận An (Giai đoạn 1)	1,12	Đức Minh, Thuận An	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
7	Hội trường TDP 8	0,03	TT Đăk Mil	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
8	Trạm biến áp 110kv Đăk Mil 2 và đầu nối	0,55	Xã Đăk N'Drot, xã Đăk R'la	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
9	Thủy điện Đăk Sôr 4	25,04	Đăk Găn, Đăk R'La	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
10	Đất nông nghiệp khác tại xã Long Sơn	5,20	Long Sơn	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
11	Mỏ vật liệu san lấp số 1 xã Đăk Găn, huyện Đăk Mil	5,00	Đăk Găn	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
12	Mỏ vật liệu san lấp số 2 xã Đăk Găn, huyện Đăk Mil	21,96	Đăk Găn	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
13	Mỏ vật liệu san lấp xã Đăk R'La, huyện Đăk Mil	22,20	Đăk R'La	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
14	Mỏ vật liệu san lấp xã Long Sơn, huyện Đăk Mil	4,54	Long Sơn	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
15	Trung tâm OCOP và điểm dừng chân huyện Đăk Mil (Giai đoạn 1)	0,50	Đăk N'Drot	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
16	Nhu cầu chuyển đổi mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp tại các xã			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm	Đánh giá kết quả thực hiện 2024
-	Đất R'La	25,00	Đất R'La	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
-	Đất Gắn	15,00	Đất Gắn	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
-	Đức Minh	10,00	Đức Minh	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
-	Đất Sắk	2,00	Đất Sắk	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
-	Đức Mạnh	10,00	Đức Mạnh	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
17	Đất nông nghiệp khác tại xã Đất N'Đrót	10,00	Đất N'Drót	Chưa thực hiện, chuyển tiếp
18	Đất chưa sử dụng chuyển qua đất cây lâu năm	26,51	Đất Gắn	Chưa thực hiện, chuyển tiếp

2.3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

2.3.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội của việc sử dụng đất

- Trong giai đoạn đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực ngày càng tăng. Công tác đo đạc bản đồ, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất được quan tâm đúng mức là tiền đề để quản lý và sử dụng đất có hiệu quả, nhờ đó công việc thu hồi đất, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, dịch vụ được thuận lợi, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Dành quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch, các khu đô thị, chỉnh trang và xây dựng mới khu dân cư nông thôn.

- Việc sử dụng đất hợp lý trên địa bàn huyện Đất Mì tạo ra môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy nền kinh tế huyện phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ngoài ra, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tạo những cơ hội lớn cho phát triển thị trường bất động sản.

- Với vị trí địa lý thuận lợi, có nguồn nhân lực dồi dào, đang là địa điểm thu hút các nguồn đầu tư trong và ngoài nước. Với việc hình thành các khu công nghiệp, các nhà máy, công ty sản xuất, kinh doanh và các điểm du lịch,... đã tạo động lực cho nền kinh tế của huyện phát triển, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- Luôn chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế, giáo dục và đào tạo nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học hành và chăm sóc sức khỏe của người dân.
- Dành quỹ đất xây dựng các mục đích công cộng như nhà văn hoá, sân vận động, hệ thống thủy lợi, giao thông nông thôn và một số cơ sở vui chơi giải trí khác tạo sân chơi lành mạnh, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp, mặt khác phải tính toán chính xác về nhu cầu sử dụng đất của các ngành, làm cơ sở để phân bổ quỹ đất hợp lý.

2.3.2. Những tác động đến môi trường đất trong quá trình sử dụng đất

Trong quá trình sử dụng đất, môi trường đất chịu ảnh hưởng tác động của các hoạt động thiên nhiên, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và việc khai thác, sử dụng đất của con người. Những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến môi trường đất đó là:

- Ô nhiễm môi trường gây ra do các hoạt động nông nghiệp, đặc biệt là do quá trình sử dụng các hóa chất trong nông nghiệp. Việc lạm dụng các loại phân bón hóa học, thuốc trừ sâu gây hậu quả xấu cho đất canh tác như làm cho đất chua, thay đổi thành phần cơ giới của đất, ...
- Các hoạt động của khu tiểu thủ công nghiệp cũng gây ra những tác động tiêu cực tới môi trường đất như nước thải và chất thải rắn, ... được thải ra trong quá trình hoạt động sản xuất.
- Ô nhiễm môi trường đất còn do ảnh hưởng tập quán sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn, các chất thải thu gom và xử lý chưa triệt để, ...
- Hệ thống thoát nước trong các khu dân cư, khu công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ. Việc thu gom và xử lý nước thải ở các khu dân cư chưa được thực hiện mà đổ trực tiếp ra các hệ thống sông ngòi, ao, hồ làm ô nhiễm nguồn nước và môi trường đất.

2.4. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục

2.4.1. Những mặt đạt được trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2024 của huyện đã theo sát theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 và Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 19/11/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt

kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil và đã đạt được những thành quả nhất định:

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp tỉnh, huyện, cấp xã;
- Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất;
- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái;

Bên cạnh những mặt đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Một số dự án, công trình nhóm C thời gian thực hiện dài, có quy mô diện tích lớn nhưng tiến độ thực hiện chậm, kéo dài dẫn đến ảnh hưởng đến chỉ tiêu kết quả thực hiện trong năm kế hoạch 2024;
- Công tác giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, triển khai chậm dẫn đến các thủ tục pháp lý chưa hoàn thành nên phải tiếp tục chuyển tiếp qua năm kế hoạch 2025 để triển khai thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý.

2.4.2. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

- Kết quả thực hiện năm 2024 chưa đạt kết quả cao so với kế hoạch 2024 được phê duyệt chủ yếu là do các công trình dự án kêu gọi vốn đầu tư, ngoài ngân sách chưa hoàn thiện thủ tục, vốn thực hiện như dự án như: Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bảo quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu 16,90 ha, Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1 với diện tích 35,43 ha, trung tâm bảo quản nông nghiệp CNC Thuận An với diện tích 5,80 ha ... Các dự án trên chiếm tương đối lớn dẫn tới tỷ lệ phần trăm thực hiện đất nông nghiệp đạt thấp. Ngoài ra các dự án vẫn đang trong giai đoạn thực hiện Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông với diện tích 27,10 ha, Dự án định canh, định cư tập trung xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông với diện tích 2,34 ha...

- Trong năm 2024, một số dự án, đặc biệt là những dự án chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất, đã không được triển khai theo đúng tiến độ đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu bao gồm thủ tục hành chính phức tạp, chậm trễ trong việc giải ngân và chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan liên quan.

- Việc cập nhật số liệu về diện tích đất sử dụng, hiện trạng đất đai và các chỉ tiêu kinh tế – xã hội gặp nhiều khó khăn. Sự thiếu nhất quán giữa số liệu dự kiến và số liệu thực tế dẫn đến những sai lệch trong việc dự báo nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch.

- Mặc dù có những vùng đất có điều kiện tự nhiên thuận lợi, nhưng đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện – nước, và các tiện ích xã hội chưa được triển khai đồng bộ. Điều này làm giảm hiệu quả sử dụng đất, cản trở phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

- Công tác giám sát việc thực hiện kế hoạch bị đơn phương, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng ở cấp huyện và cấp tỉnh. Các cơ chế kiểm soát và xử lý vi phạm chưa được ban hành và thực hiện một cách nghiêm túc, dẫn đến việc chuyển mục đích và sử dụng đất không đúng theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện, hiện tượng xói mòn, thoái hóa đất và ô nhiễm môi trường đã xuất hiện ở một số khu vực, do canh tác không khoa học và sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu quá mức. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng đất mà còn đặt ra thách thức trong việc bảo vệ môi trường và duy trì sản lượng nông nghiệp bền vững.

- Một số tình huống như thiên tai, dịch bệnh hay những biến động kinh tế bất ngờ đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch. Cơ chế ứng biến và dự phòng của các cấp quản lý đất đai chưa được chuẩn bị đầy đủ để đối phó với những tình huống này, dẫn đến gián đoạn trong tiến trình triển khai.

- Một số công trình dự án đã thực hiện công tác kiểm kê, kiểm đếm đã công khai phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Tuy nhiên, khi Luật đất đai 2024 có hiệu lực thi hành UBND huyện chưa phê duyệt, các quy định bồi thường hỗ trợ của tỉnh chưa kịp thời ban hành, do vậy phải chờ quy định của tỉnh ban hành, đã ảnh hưởng tới tiến độ GPMB.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Mil được UBND tỉnh phê duyệt ngày 02/4/2024, đến thời điểm triển khai lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thì thời gian thực hiện chưa được 8 tháng.

Những tồn tại và hạn chế này cho thấy việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 gặp nhiều khó khăn từ khâu hành chính, quản lý số liệu đến triển khai dự án và ứng biến với các yếu tố môi trường. Những vấn đề này cần được khắc

phục triệť đê trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025, thông qua việc tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, cải thiện hệ thống thông tin số liệu và xây dựng cơ chế giám sát, kiểm soát chặt chẽ hơn.

2.4.3. Những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của một số cơ quan, đơn vị chưa sát, bố trí nguồn vốn còn thiếu chủ động dẫn đến một số dự án được đăng ký lại không có kinh phí thực hiện, trong khi một số dự án không được đăng ký trước lại được bố trí nguồn vốn.

- Còn thiếu nguồn vốn đầu tư nên ảnh hưởng không nhỏ trong việc triển khai xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng... dẫn đến nhiều công trình quy hoạch bị kéo dài hoặc không được triển khai đúng thời gian, tiến độ.

- Công tác chuyển mục đích đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện còn gặp nhiều vướng mắc, nhu cầu của người dân còn nhiều nhưng do chưa phù hợp với quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất nên người dân chưa thực hiện được. Nguyên nhân do trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030 của huyện được phê duyệt các thửa đất hiện trạng là đất ở nhưng không thể hiện ranh giới quy hoạch loại đất dẫn tới khi đối chiếu các trường hợp chuyển mục đích của các hộ gia đình, có đất nông nghiệp xen kẹp đất ở không chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở được, do chưa phù hợp với quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất.

- Trong năm vừa qua thị trường bất động sản trầm lắng, nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất giảm mạnh.

2.4.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm 2025

- Kế hoạch sử dụng đất cần thực hiện theo đúng quy trình; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Đắk Mil, cũng như các quy hoạch ngành (*quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông...*), Kế hoạch sử dụng đất cần định hướng được những khó khăn trong quá trình thi công, giải phóng mặt bằng, vốn đầu tư, tránh quy hoạch treo, không thực hiện được hoặc việc bố trí quỹ đất cho các mục đích sử dụng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần đảm bảo minh bạch, công khai và dân chủ; quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch cần có sự tham gia và ý kiến phản hồi của cơ quan, tổ chức sử dụng đất.

- Các quy định của pháp luật về quản lý đất đai nói chung và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng, cần kịp thời cập nhật, thông tin và truyền thông đầy

đủ và kịp thời cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất, Các thủ tục hành chính về đất đai cần được hướng dẫn cụ thể và thực hiện đầy đủ.

- Các thủ tục hành chính về đất đai cần chấp hành đầy đủ theo trình tự, quy định, tránh để tồn đọng các giấy tờ, đây cũng là bài học hạn chế việc quản lý và sử dụng đất đai trái pháp luật.

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án nằm trong năm kế hoạch được duyệt cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định để thực hiện các dự án thu hồi đất. Phối hợp chặt chẽ Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án. Đối với các dự án sử dụng đất đề nghị đơn vị chủ quản sử dụng tập trung thực hiện hoàn thành các thủ tục về đất đai trong năm kế hoạch 2024.

- Bố trí nguồn kinh phí để thực hiện việc chỉnh lý bản đồ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính để tạo thuận lợi cho việc quản lý Nhà nước về đất đai một cách hiệu quả, khoa học, đúng pháp luật, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh trên huyện Đắk Mil.

2.4.5. Giải pháp khắc phục việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm tới

UBND huyện cần chủ động bố trí kinh phí hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền bố trí kịp thời nguồn kinh phí để thực hiện các công trình dự án có sử dụng ngân sách Nhà nước.

Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, đăng tải đầy đủ thông tin về kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Đắk Mil trên mạng thông tin điện tử của huyện, của tỉnh, tuyên truyền phổ biến đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lập, thẩm định, xét duyệt, công bố và thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, kế hoạch sử dụng đất trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Giám sát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Cần có chính sách ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển các tuyến đường giao thông, khu đô thị...

PHẦN III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

3.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất

3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch

* Các công trình, dự án đã được xác định trong năm 2024, được tiếp tục thực hiện trong năm 2025, bao gồm:

- Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai: có 0 công trình, dự án;

- Các công trình, dự án đã được xác định trong năm 2024, được tiếp tục thực hiện trong năm 2025 có 76 công trình với diện tích 858,57 ha (trong đó: Đất quốc phòng: 03 công trình với diện tích 46,82 ha; Đất an ninh: 01 công trình với diện tích 0,93 ha; Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 03 công trình với diện tích 0,12 ha; Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 01 công trình với diện tích 2,47 ha; Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 05 công trình với diện tích 60,33ha; Đất thương mại, dịch vụ: 06 công trình với diện tích 51,32ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 02 công trình với diện tích 22,70ha; Đất công trình giao thông: 16 công trình với diện tích 77,56ha; Đất công trình thủy lợi: 03 công trình với diện tích 238,60ha; Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 02 công trình với diện tích 25,59ha; Đất công trình xử lý chất thải: 01 công trình với diện tích 8,19ha); Đất trồng cây lâu năm: 02 công trình với diện tích 128,51ha; Đất chăn nuôi tập trung: 01 công trình với diện tích 25,36 ha; Đất nông nghiệp khác: 05 công trình với diện tích 157,07 ha; Các công trình giao, cho thuê, chuyển mục đích, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 25 công trình với diện tích 13,00ha).

(Chi tiết tại mục I, Biểu 25/CH. Danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông)

3.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai

- Đất ở nông thôn: 01 công trình với diện tích 5,00 ha;

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 01 công trình với diện tích 0,52 ha;

(Chi tiết tại mục II, Biểu 25/CH. Danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông)

3.1.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, Điều 48, Thông tư 29/2024/TT-BTNMT và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch

- Đất ở tại nông thôn: 10 công trình với diện tích 34,74 ha;
- Đất ở tại đô thị: 03 công trình với diện tích 5,86 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: 04 công trình với diện tích 5,03 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 01 công trình với diện tích 5,00ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 01 công trình với diện tích 0,05ha;
- Đất công trình giao thông: 01 công trình với diện tích 6,40ha;

(Chi tiết tại mục III, Biểu 25/CH. Danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông)

3.2. Về chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng trong năm 2025

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 của các ngành, lĩnh vực, tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện Đắk Mil, UBND huyện Đắk Mil cân đối, tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 như sau:

Tổng diện tích tự nhiên là 67.901,69 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp là 62.865,15 ha chiếm 92,58 % tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp 4.993,50 ha chiếm 7,35 % tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng là 43,04 ha chiếm 0,06 % tổng diện tích đất tự nhiên.

Bảng 08: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		67.901,69	100,00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	62.865,15	92,58
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.104,46	1,63
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	709,70	1,05
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	394,75	0,58
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	3.868,17	5,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.418,39	55,11
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.408,71	3,55
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	17.523,99	25,81
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>17.443,19</i>	<i>25,69</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	227,16	0,33
1.7	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	25,36	0,04

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	288,91	0,43
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.993,50	7,35
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	692,53	1,02
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	75,15	0,11
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,79	0,02
2.4	Đất quốc phòng	CQP	410,78	0,60
2.5	Đất an ninh	CAN	9,24	0,01
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	93,65	0,14
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	9,96	0,01
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,38	0,01
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,21	0,01
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	61,35	0,09
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	12,55	0,02
2.6.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	2,21	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	201,62	0,30
2.7.1	Đất cụm công nghiệp	SKN	24,50	0,04
2.7.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	39,09	0,06
2.7.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,96	0,06
2.7.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	99,07	0,15
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.437,52	3,59
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.378,52	2,03
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	945,63	1,39
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	15,03	0,02
2.8.4	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	4,60	0,01
2.8.5	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	13,51	0,02
2.8.6	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	60,23	0,09
2.8.7	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,46	0,01
2.8.8	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,21	0,01
2.8.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	15,34	0,02
2.9	Đất tôn giáo	TON	40,27	0,06
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,08	0,01
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	93,95	0,14
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	921,93	1,36
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC		
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	921,93	1,36
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	43,04	0,06
3.1	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	43,04	0,06

(Diện tích phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại biểu 17/CH)

a. Đất nông nghiệp

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 63.264,09 ha. Đến năm 2025 diện tích đất nông nghiệp thực giảm 398,94 ha so với kết quả thực hiện năm 2024.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất nông nghiệp là 62.865,15 ha, chiếm 92,58 % diện tích đất tự nhiên. Chi tiết biến động các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

** Đất trồng lúa:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 1.127,11 ha. Đến năm 2025 diện tích đất trồng lúa giảm 22,65 ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Giảm 22,65ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất an ninh 0,10ha;
- + Đất giao thông 2,98ha;
- + Đất công trình cấp, thoát nước 18,87ha;
- + Đất năng lượng 0,70ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất trồng lúa là 1.104,46 ha, chiếm 1,63 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất trồng cây hàng năm khác:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 4.063,67 ha. Đến năm 2025 diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 195,50 ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Giảm 195,50ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất trồng cây lâu năm 92,00ha;
- + Đất chăn nuôi tập trung 14,50 ha;
- + Đất nông nghiệp khác 57,35ha;
- + Đất ở tại nông thôn 16,74ha;
- + Đất ở tại đô thị 4,06ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ 8,00ha;
- + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 2,85ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 3.868,17 ha, chiếm 5,70 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất trồng cây lâu năm:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 37.771,46 ha. Đến năm 2025 diện tích đất trồng cây lâu năm thực giảm -353,07 ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Giảm 471,58 ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất chăn nuôi tập trung 10,86 ha;

- + Đất nông nghiệp khác 99,72ha;
- + Đất ở tại nông thôn 30,34ha;
- + Đất ở tại đô thị: 2,00ha;
- + Đất quốc phòng 42,01ha;
- + Đất an ninh 0,93ha;
- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,54 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở y tế 0,25ha;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 2,47ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ 13,67ha;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 22,70ha;
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 60,33ha;
- + Đất giao thông 80,20ha;
- + Đất công trình thủy lợi 84,71ha;
- + Đất công trình xử lý chất thải 8,19ha;
- + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 4,13ha;
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 8,36ha;
- + Đất tôn giáo 0,17ha.
- Tăng 118,51ha do các loại đất chuyển sang:
- + Đất trồng cây hàng năm khác 92,00ha;
- + Đất chưa sử dụng 26,51ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất trồng cây lâu năm là 37.418,39 ha, chiếm 55,11 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất rừng phòng hộ:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố là 2.408,71 ha. Đến năm 2025 diện tích đất rừng phòng hộ không thay đổi.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất rừng phòng hộ là 2.408,71 ha, chiếm 3,55 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất rừng sản xuất:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố là 17.528,79 ha. Đến năm 2025 diện tích đất rừng sản xuất giảm 4,80ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Giảm 4,80ha do chuyển sang đất quốc phòng 4,80ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất sản xuất là 17.523,99 ha, chiếm 25,81 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất nuôi trồng thủy sản:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 232,51 ha. Đến năm 2025 diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 5,35ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Giảm 5,35ha do chuyển sang đất công trình thủy lợi 5,35ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 227,16 ha, chiếm 0,33 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất chăn nuôi tập trung:*

Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 5 Điều 4 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai “*Đất chăn nuôi tập trung là đất xây dựng trang trại chăn nuôi tập trung tại khu vực riêng biệt theo quy định của pháp luật chăn nuôi*”. Trong năm 2025 huyện Đắk Mil có danh mục Đất chăn nuôi tập trung tại xã Đắk R'La 25,36ha chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư nên sẽ đưa vào mục đất chăn nuôi tập trung. Chỉ tiêu đất chăn nuôi tập trung được lấy từ chỉ tiêu đất nông nghiệp khác nên đảm bảo chỉ tiêu so với quy hoạch được duyệt. Do vậy, đến năm 2025 diện tích đất chăn nuôi tập trung tăng 25,36 ha so với năm 2024. Trong đó:

- Tăng 25,36 ha do các loại đất chuyển sang:
 - + Đất trồng cây hàng năm khác 14,50 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm 10,86 ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất chăn nuôi tập trung là 25,36 ha, chiếm 0,04 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất nông nghiệp khác:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 131,84 ha. Đến năm 2025 diện tích đất nông nghiệp khác tăng 157,07 ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 157,07 ha do các loại đất chuyển sang:
 - + Đất trồng cây hàng năm khác 57,35 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm 99,72ha;

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất nông nghiệp khác là 288,91 ha, chiếm 0,43 % diện tích đất tự nhiên.

b. Đất phi nông nghiệp

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 4.567,55 ha. Đến năm 2025 diện tích đất phi nông nghiệp thực tăng 425,45ha so với kết quả thực hiện năm 2024.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất phi nông nghiệp là 4.993,50ha, chiếm 7,35 % diện tích đất tự nhiên. Chi tiết biến động các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

** Đất ở tại nông thôn:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 645,69 ha. Đến năm 2025 diện tích đất ở tại nông thôn thực tăng 46,84ha so với kết quả thực hiện năm 2024.

Trong đó:

- Giảm 0,24ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất quốc phòng 0,01ha;
- + Đất giao thông 0,23ha.
- Tăng 47,08ha do lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng cây hàng năm khác 16,74ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 30,34ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất ở tại nông thôn là 692,53 ha, chiếm 1,02 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất ở tại đô thị*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 68,30 ha. Đến năm 2025 diện tích đất ở tại đô thị thực tăng 6,85ha so với kết quả thực hiện năm 2024.

Trong đó:

- Tăng 6,98ha do lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng cây hàng năm khác 4,06ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 2,00ha;
- + Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,92ha.
- Giảm 0,13ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất giao thông 0,13ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất ở tại đô thị là 75,15 ha, chiếm 0,11 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất xây dựng trụ sở cơ quan:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 16,94 ha. Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,15ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Giảm 0,15ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất an ninh 0,10ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ 0,05ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 9,24 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất quốc phòng:*

Diện tích đất quốc phòng đến năm 2025 là 363,96 ha. Đến năm 2025 diện tích đất quốc phòng tăng 46,82ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 46,82ha do lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng cây lâu năm 42,01ha;
- + Đất rừng sản xuất 4,80ha;
- + Đất ở tại nông thôn 0,01ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất quốc phòng là 410,78 ha, chiếm 0,60 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất an ninh:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 8,11 ha. Đến năm 2025 diện tích đất an ninh tăng 1,13ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 1,13ha do lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng lúa nước còn lại 0,10ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 0,93ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,10ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất an ninh là 9,24 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất xây dựng cơ sở văn hóa:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 9,42 ha. Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng 0,54ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 0,54ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 0,54ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 9,96 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất xây dựng cơ sở xã hội:*

Diện tích đất cơ sở dịch vụ xã hội năm 2025 là 0,38 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên, không có biến động so với kết quả thực hiện năm 2024.

** Đất xây dựng cơ sở y tế*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 6,96 ha. Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở y tế tăng 0,25ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 0,25ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 0,25ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 7,21 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 58,88 ha. Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo tăng 2,47ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 2,47 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 2,47ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 61,35 ha, chiếm 0,09 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất cơ sở thể dục thể thao:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 14,28 ha. Đến năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao giảm 1,73ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Giảm 1,73ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất ở tại đô thị 0,92ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ 0,81ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 12,55 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác*

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác năm 2025 là 2,21 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên, không có biến động so với kết quả thực hiện năm 2024.

** Đất cụm công nghiệp:*

Diện tích đất cụm công nghiệp năm 2025 là 24,50 ha, chiếm 0,04 % diện tích đất tự nhiên, không có biến động so với kết quả thực hiện năm 2024.

** Đất thương mại, dịch vụ:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 16,56 ha. Đến năm 2025 diện tích đất thương mại dịch vụ tăng 22,53ha so với kết quả thực hiện năm 2024.

Trong đó:

- Tăng 22,53ha do lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng cây hàng năm khác 8,00ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 13,67ha;
- + Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,81ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất thương mại dịch vụ là 39,09 ha, chiếm 0,06 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 16,26 ha. Đến năm 2025 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 22,70ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 22,70ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 22,70ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 38,96 ha, chiếm 0,06 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 38,74 ha. Đến năm 2025 diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng 60,33ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 60,33ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 60,33ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 99,07 ha, chiếm 0,15 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất giao thông:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 1.296,72 ha. Đến năm 2025 diện tích đất giao thông thực tăng 81,80ha so với kết quả thực hiện năm 2024.

Trong đó:

- Giảm 1,86ha do chuyển sang đất công trình thủy lợi 1,86ha.
- Tăng 83,66ha do lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng lúa 2,98ha;

- + Đất trồng cây lâu năm 80,20ha;
- + Đất ở tại nông thôn 0,23 ha;
- + Đất ở tại đô thị 0,13ha;
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,12 ha;.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất giao thông là 1.378,52 ha, chiếm 2,03 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất thủy lợi:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 736,26 ha. Đến năm 2025 diện tích đất thủy lợi tăng 209,37ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 209,37ha do lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng lúa 18,87ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 84,71ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản 5,35ha;
- + Đất giao thông 1,86ha;
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 98,58ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất thủy lợi là 945,63 ha, chiếm 1,39 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất công trình cấp nước, thoát nước:*

Diện tích đất công trình cấp nước, thoát nước năm 2025 là 15,03 ha chiếm 0,02 % diện tích đất tự nhiên; không có biến động so với kết quả thực hiện năm 2024.

** Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:*

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên năm 2025 là 4,60 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên, không có biến động so với kết quả thực hiện năm 2024.

** Đất công trình xử lý chất thải:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 5,32 ha. Đến năm 2025 diện tích đất công trình xử lý chất thải tăng 8,19ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 8,19ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 8,19ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất bãi thải xử lý chất thải là 13,51 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 34,64 ha. Đến năm 2025 diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng tăng 25,59ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 25,59ha do lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng lúa 0,70ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác 2,85ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 4,13ha;
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 17,91ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng là 60,23 ha, chiếm 0,09 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:*

Diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin đến năm 2025 là 0,46 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên, không biến động so với diện tích năm 2024.

** Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:*

Diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối năm 2025 là 4,21 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên, không có biến động so với kết quả thực hiện năm 2024.

** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 6,98 ha. Đến năm 2025 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng tăng 8,36ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 8,36ha do lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng cây lâu năm 8,36ha.

Như vậy đến hết năm 2024 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 15,34 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất tôn giáo:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 40,10 ha. Đến năm 2025 diện tích đất tôn giáo tăng 0,17ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Tăng 0,17ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 0,17ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất tôn giáo là 40,27 ha, chiếm 0,06 % diện tích đất tự nhiên.

** Đất cơ sở tín ngưỡng:*

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng đến năm 2025 là 0,08 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên, không biến động so với diện tích năm 2024.

** Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt*

Diện tích nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt đến năm 2025 là 93,95 ha, chiếm 0,14 % diện tích đất tự nhiên, không biến động so với diện tích năm 2024.

** Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 1.038,54 ha. Đến năm 2025 diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 116,61ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Giảm 116,61ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất giao thông 0,12ha;
- + Đất thủy lợi 98,58ha;
- + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 17,91ha.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 921,93 ha, chiếm 1,36 % diện tích đất tự nhiên.

c. Đất chưa sử dụng

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện là 69,55 ha. Đến năm 2025 diện tích đất chưa sử dụng giảm 26,51ha so với kết quả thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Giảm 26,51ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm.

Như vậy đến hết năm 2025 diện tích đất chưa sử dụng là 43,04 ha, chiếm 0,06 % diện tích đất tự nhiên.

3.2.2. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm 2025

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm 2025 trên địa bàn huyện là 26,51 ha, được chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm.

(Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2025 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại Biểu 18/CH kèm theo)

3.2.3. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2025

- Tổng diện tích thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn huyện là 329,45 ha.

Trong đó:

- + Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi năm 2025 là 210,34 ha;
- + Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi năm 2025 là 119,11 ha.

(Diện tích thu hồi đất sử dụng đất năm 2025 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại Biểu 19/CH kèm theo)

3.2.4. Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025

Sau khi thực hiện KH SDD năm 2025, diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất như sau:

Bảng 09: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	425,45
	<i>Trong đó</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	22,65
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	31,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	361,00
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	4,80
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	5,35
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	25,36
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		2,80
	<i>Trong đó:</i>		
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	1,88
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	0,92
4.2.1	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao chuyển sang đất ở	DTT/OTC	0,92

(Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại Biểu 20/CH kèm theo)

3.2.5. Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2025

Tổng cộng có 99 công trình dự án với diện tích là 870,90 ha, trong đó:

- Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch: Có 76 dự án với diện tích tăng thêm là 813,33 ha.

- Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai: Có 02 dự án với diện tích tăng thêm là 5,52 ha.

- Các công trình, dự án đầu tư theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, Điều 48, Thông tư 29/2024/TT-BTNMT và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch: Có 20 dự án với diện tích tăng thêm là 52,05 ha.

Bảng 10: Danh mục công trình đăng ký mới năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil	0,52	Thuận An	
2	Khu đất tại thôn 1, xã Đắk N'Drót	5,00	Đắk N'Drot	
3	Khu đất tại xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil (bệnh viện Nam Tây Nguyên cũ)	4,74	Đắk Lao	
4	Đầu giá đất ở (16 lô Quảng trường)	1,79	TT Đắk Mil	
5	Đầu giá đất ở (05 lô Nguyễn Đình Chiểu)	0,07	TT Đắk Mil	
6	Khai thác và chế biến khoáng sản mỏ đá bazan	5,00	Long Sơn	
7	Nâng cấp đường Đắk R'la đi Long Sơn	6,40	Đắk R'la, Long Sơn	Dân hiến đất
8	Đầu giá Chi cục thuế cũ	0,05	TT Đắk Mil	
9	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk Gắn (các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 5 điều 116 Luật Đất đai năm 2024)			
-	Xã Đắk Gắn	2,00	Đắk Gắn	
-	Xã Đắk R'La	3,00	Đắk R'La	
-	Xã Đắk N'Drot	3,00	Đắk N'Drot	
-	Xã Đức Minh	5,00	Đức Minh	
-	Xã Thuận An	4,00	Thuận An	
-	Xã Đắk Lao	4,00	Đắk Lao	
-	Xã Long Sơn	2,00	Long Sơn	
-	Xã Đức Mạnh	4,00	Đức Mạnh	
-	Xã Đắk Sắk	3,00	Đắk Sắk	
10	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị nhu cầu hộ gia đình, các nhân tại thị trấn Đắk Mil (các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 5 điều 116 Luật Đất đai năm 2024)	4,00	TT Đắk Mil	
11	Bệnh viện đa khoa huyện Đắk Mil (mới)	4,35	Thuận An	Đưa vào cấp GCN
12	Trạm Y tế xã Đắk Lao	0,20	Đắk Lao	Đưa vào cấp GCN

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
13	Trạm Y tế xã Đức Mạnh	0,32	Đức Mạnh	Đưa vào cấp GCN
14	Trạm Y tế xã Đắc Sắk	0,16	Đắc Sắk	Đưa vào cấp GCN

(Danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm 2025 chi tiết tại Biểu 25/CH kèm theo)

3.3. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.3.1. Căn cứ pháp lý

Dự toán thu chi từ đất của phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đắc Mil được dựa vào các căn cứ sau:

- Luật Đất đai năm 2024;
- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Nông về việc thông qua bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắc Nông;
- Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Nông về việc sửa đổi bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắc Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Nông;
- Quyết định 03/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Đắc Nông Sửa đổi, bổ sung các nội dung về Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắc Nông;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắc Mil.

3.3.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

- Dự kiến các khoản thu ngân sách gồm: Thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các loại thuế, phí liên quan đến đất đai.

- Dự kiến các khoản chi: Chi cho việc bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng các dự án, đền bù cây cối hoa màu.

3.3.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Phương pháp tính

* Đối với các khoản thu:

- Thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đô thị;
- Thu tiền khi đấu giá quyền sử dụng đất ở tại đô thị;
- Thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất sang ở nông thôn;
- Thu tiền khi đấu giá quyền sử dụng đất ở tại nông thôn;
- Thu tiền khi cho thuê đất sử dụng vào mục đích cơ sở sản xuất kinh doanh.

* Đối với các khoản chi:

Chi bồi thường khi thu hồi đất để chuyển sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp bao gồm các hạng mục sau:

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất rừng sản xuất;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn.

* Về giá các loại đất:

Lấy đơn giá trung bình ở các vị trí theo Bảng giá đất giai đoạn (2020-2024) của tỉnh Đắk Nông.

* Về mức chi bồi thường khi thu hồi đất:

Dự tính hỗ trợ thêm 2% tổng số tiền chi sử dụng đất.

b. Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất

Bảng 11: Ước tính thu chi từ đất cho năm kế hoạch 2025

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
I. Các khoản thu			336,71
- Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	9,42	400.000	37,66

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
- Thu tiền khi đầu giá đất ở đô thị	1,75	2.000.000	34,90
- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	110,06	240.000	264,14
- Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa			
- Các nguồn thu khác (lệ phí trước bạ, thuế,...)			
II. Chi bồi thường về đất			72,88
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	23,20	23.000	5,34
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm	2,53	21.000	0,53
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	179,26	35.000	62,74
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	5,35	14.000	0,75
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	0,23	400.000	0,92
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị	0,13	2.000.000	2,60
III. Các khoản chi Hỗ trợ chuyển nghề và tạo việc làm			69,73
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	23,20	23.000	5,34
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm	2,53	21.000	0,53
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	179,26	35.000	62,74
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	5,35	21.000	1,12
IV. Các khoản chi bồi thường về cây cối hoa màu			22,97
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác (sản lượng 4 tấn/ha)	25,73	40.000.000	1,03
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm (sản lượng 4 tấn/ha) hỗ trợ 02 năm	179,26	120.000.000	21,51
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản (công đào đắp thủ công 50.000/m ³)	5,35	80.000.000	0,43
V. Chi phí tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng			3,31
Cân đối thu chi = [I - (II+III+IV+V)]			167,82

PHẦN IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Tăng cường phổ biến Luật bảo vệ môi trường; tổ chức các chương trình, kế hoạch hành động nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, từ đó phát triển ý thức, thói quen và hành vi ứng xử có trách nhiệm đối với môi trường, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện các biện pháp chống ô nhiễm môi trường đất, nâng cao độ phì của đất, khôi phục mặt bằng sử dụng đất.

- Quản lý, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng hiện có, tranh thủ các nguồn vốn dự án để phát triển lâm nghiệp, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có.

- Cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất, tái tạo lại cảnh quan,.. nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất, không khí, nguồn nước nhằm sử dụng đất bền vững.

- Ban hành quy định về quản lý đất đai gắn liền với bảo vệ môi trường, nhằm từng bước nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong quá trình quản lý, sử dụng đất. Đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Cân đối, bố trí kinh phí đảm bảo cho việc triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai, thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt việc sử dụng các loại thuế, phí, lệ phí về sử dụng nguồn tài nguyên đất đai của huyện để tái đầu tư thực hiện các nhiệm vụ về quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

- Nâng cao năng lực của cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường đặc biệt các cán bộ trực tiếp phụ trách nội dung liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của nhân dân.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

** Giải pháp về tổ chức thực hiện năm 2025 của huyện*

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các xã, thị trấn cần tiến nghiêm túc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Công bố rộng rãi kế hoạch sử dụng đất được duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng quy hoạch đã được duyệt.

- Tăng cường tổ chức bồi dưỡng chuyên môn ngành Tài nguyên và Môi trường đủ mạnh từ huyện đến các xã đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác quản lý đất đai trong năm kế hoạch. Chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và về chế độ chính sách cho công chức địa chính ở cấp xã.

** Giải pháp giám sát thực hiện*

- Thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoạt động thực thi công vụ trong lĩnh vực quản lý đất đai, quản lý kế hoạch sử dụng đất của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền từ huyện đến cơ sở nhằm kịp thời phát hiện những sai sót, yếu kém, từ đó có biện pháp ngăn chặn kịp thời và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của các chủ sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất của huyện nhằm kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý đối với các trường hợp có hành vi vi phạm.

- Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác quản lý đất đai, quản lý kế hoạch sử dụng đất. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc tiếp thu, giải quyết tốt những ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri về công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã, thị trấn. Từ đó tổng hợp, xây dựng định hướng cho phát triển kinh tế xã hội chung của huyện. Do đó, kế hoạch sử dụng đất được xây dựng mang tính hệ thống và phù hợp với mục tiêu, chiến lược về phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới. Kết quả xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil như sau:

Kết quả Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đắk Mil như sau: Tổng diện tích tự nhiên là 67.901,69 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp là 62.865,15 ha chiếm 92,58 % tổng diện tích đất tự nhiên; Đất phi nông nghiệp 4.993,50 ha chiếm 7,35 % tổng diện tích đất tự nhiên; Đất chưa sử dụng là 43,04 ha chiếm 0,06 % tổng diện tích đất tự nhiên.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là cơ sở để chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện vừa phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện, vừa đáp ứng được mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Để đạt được những mục tiêu trên, Đảng bộ và chính quyền huyện cần phải có chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp, đồng thời phải có những biện pháp thực hiện tích cực để huy động được các nguồn nhân lực, tài lực, vật lực nhằm khai thác hết tiềm năng của huyện. Bên cạnh nhân tố nội lực, nguồn hỗ trợ từ bên ngoài cũng rất quan trọng, không thể thiếu, mà trước hết là sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy và UBND tỉnh Đắk Nông.

2. Kiến nghị

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tạo điều kiện bố trí, hỗ trợ nguồn vốn thực hiện công trình, dự án trọng điểm; xem xét lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực thực hiện các dự án nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tốt tiềm năng lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất của huyện.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành chức năng của tỉnh Đắk Nông sớm xem xét phê duyệt kế hoạch sử dụng năm 2025 của huyện để có căn cứ tổ chức thực hiện nhằm tăng cường công tác quản lý và sử dụng đất đúng pháp luật đất đai và hiệu quả hơn./.